

ĐỀ THI CHÍNH THỨC
(Đề thi có 04 trang)

Họ và tên:.....
Số báo danh:.....

Mã đề: 0901

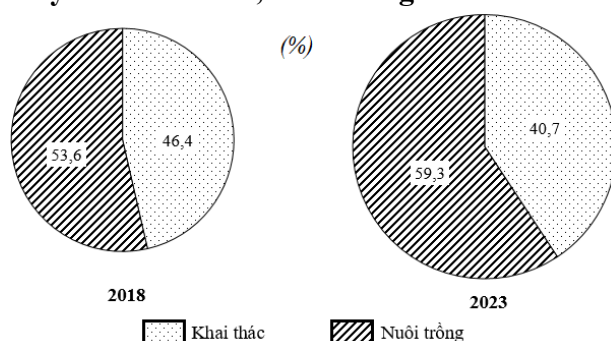
PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Đặc điểm nào sau đây đúng với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ nước ta hiện nay?

- A. Hình thành nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất. B. Tỉ trọng ngành thủy sản giảm mạnh.
C. Tỉ trọng dịch vụ lớn và ngày càng giảm. D. Tỉ trọng kinh tế Nhà nước tăng nhanh.

Câu 2. Cho biểu đồ:

Cơ cấu sản lượng thủy sản khai thác, nuôi trồng ở nước ta năm 2018 và năm 2023



(Nguồn: Tổng cục Thống kê - <https://www.nso.gov.vn/>)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Tỉ trọng sản lượng thủy sản khai thác giảm và giảm 12,9% so với năm 2018.
B. Tỉ trọng thủy sản khai thác tăng, thủy sản nuôi trồng giảm.
C. So với năm 2018, tỉ trọng thủy sản nuôi trồng tăng 7,5%.
D. Sản lượng thủy sản nuôi trồng luôn lớn hơn so với khai thác.

Câu 3. Khu vực thích hợp cho nuôi trồng thủy sản nước ngọt ở nước ta là

- A. các đảo ven bờ. B. các bãi triều rộng. C. ô trũng đồng bằng. D. rừng ngập mặn.

Câu 4. Loại hình dịch vụ nào sau đây mới ra đời ở nước ta?

- A. Du lịch. B. Thương mại. C. Logistics. D. Bru chính.

Câu 5. Hiện tượng xói mòn đất thường xảy ra phổ biến nhất ở

- A. các làng nghề. B. các thành phố lớn. C. vùng đồi núi. D. vùng đồng bằng.

Câu 6. Đông Nam Bộ hiện nay có thể mạnh để

- A. khai thác dầu khí. B. trồng cây cận nhiệt. C. khai thác than nâu. D. trồng rau vụ đông.

Câu 7. Du lịch biển đảo ngày càng phát triển mạnh ở Nam Trung Bộ chủ yếu do

- A. chất lượng cuộc sống nâng cao, chính sách mới, chi phí rẻ.
B. trình độ lao động cao, giao thông thuận tiện, mức sống tăng.
C. đầu tư cơ sở hạ tầng, nhu cầu lớn, đa dạng hóa sản phẩm du lịch.
D. thời gian khai thác du lịch dài, đẩy mạnh quảng bá hình ảnh.

Câu 8. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với dân số nước ta?

- A. Có quy mô dân số đông và rất ổn định. B. Dân cư tập trung chủ yếu ở đồng bằng.
C. Có sự thay đổi về cơ cấu theo nhóm tuổi. D. Dân số đông, nhiều thành phần dân tộc.

Câu 9. Ý nào sau đây đúng với vai trò của thành phần kinh tế Nhà nước trong quá trình phát triển kinh tế nước ta?

- A. Nắm giữ các ngành và lĩnh vực kinh tế then chốt.
- B. Phục vụ lợi ích chủ yếu cho các doanh nghiệp lớn.
- C. Có vai trò lớn trong thu hút vốn đầu tư nước ngoài.
- D. Là thành phần duy nhất góp phần tăng trưởng kinh tế.

Câu 10. Vị trí địa lí của Trung du và miền núi phía Bắc **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. giáp Trung Quốc ở phía bắc.
- B. giáp Bắc Trung Bộ.
- C. tiếp giáp với đồng bằng sông Hồng.
- D. giáp vịnh Bắc Bộ ở phía đông.

Câu 11. Đô thị hóa nước ta tiêu thụ mạnh các sản phẩm hàng hóa chủ yếu do

- A. mật độ dân số cao, thu hút nhiều vốn đầu tư.
- B. cơ sở hạ tầng khá tốt, giao thương thuận lợi.
- C. dân cư tập trung đông, chất lượng sống ngày càng cao.
- D. dịch vụ đa dạng, kinh doanh phát triển.

Câu 12. Nhà máy thủy điện có công suất lớn nhất nước ta hiện nay là

- A. Thác Bà.
- B. Yaly.
- C. Hòa Bình.
- D. Sơn La.

Câu 13. Các ngành công nghiệp nước ta phân bố nhiều ở

- A. núi cao.
- B. đồng bằng.
- C. hải đảo.
- D. sơn nguyên.

Câu 14. Đồng bằng sông Cửu Long có thuận lợi chủ yếu nào sau đây để phát triển cây lúa?

- A. Khí hậu có tính chất cận xích đạo, đất phù sa màu mỡ.
- B. Tài nguyên đất đa dạng, nguồn nhiệt ẩm rất dồi dào.
- C. Địa hình bằng phẳng, lượng mưa lớn phân hóa theo mùa.
- D. Nhiều vùng trũng ngập nước, đất phèn có thể cải tạo được.

Câu 15. Đặc trưng của khí hậu miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

- A. mùa mưa lùi dần về mùa thu – đông.
- B. phân chia hai mùa mưa, khô sâu sắc.
- C. chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.
- D. gió phơn Tây Nam hoạt động mạnh.

Câu 16. Sản lượng khai thác hải sản ở nước ta tăng nhanh trong thời gian gần đây chủ yếu do tác động của các nhân tố

- A. thị trường, lao động dồi dào, công nghiệp chế biến.
- B. công nghệ khai thác, thị trường, công nghiệp chế biến.
- C. công nghiệp chế biến, nguồn lợi tự nhiên, lao động.
- D. ngư dân có kinh nghiệm, thị trường, nhiều ngư trường.

Câu 17. Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây thường gây ngập lụt ở vùng đồng bằng ven biển miền Trung nước ta?

- A. mưa tuyết.
- B. mưa bão.
- C. mưa phùn.
- D. mưa đá.

Câu 18. Nguyên nhân chủ yếu làm tăng thêm tính bất bình của nông nghiệp nước ta là

- A. khí hậu phân hóa theo Bắc - Nam và theo độ cao.
- B. đất trồng đa dạng và sinh vật rất phong phú.
- C. thiên nhiên mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.
- D. địa hình, đất trồng, sông ngòi có sự phân hóa rõ.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Cửu Long là một trong những vùng kinh tế ở nước ta chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu như: lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, triều cường, nước biển dâng, sạt lở bờ sông, sạt lở các khu vực ven biển và các rủi ro khác liên quan đến biến đổi khí hậu.

- a) Một trong những mục tiêu để phát triển kinh tế, ứng phó với biến đổi khí hậu của vùng là phát triển các mô hình sinh kế thông minh, nâng cao hiểu biết của người dân, thay đổi tập quán sản xuất.
- b) Đồng bằng sông Cửu Long có ba mặt giáp biển, địa hình thấp nhất nước ta, có nhiều cửa sông đổ ra biển.

- c) Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích, sản lượng lúa chiếm trên 50%, năng suất lúa cả năm luôn cao hơn trung bình cả nước.
- d) Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp trong vùng, sử dụng các loại cây trồng, vật nuôi thích ứng với hạn hán, chịu được ngập và xâm nhập mặn là giải pháp chủ yếu để giảm thiểu tác nhân gây ra biến đổi khí hậu.

Câu 2. Cho bảng số liệu sau:

Cơ cấu lao động có việc làm phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật của nước ta giai đoạn 2010 - 2024

(Đơn vị: %)

Trình độ chuyên môn kỹ thuật	2010	2021	2024
Đã qua đào tạo	14,6	26,2	28,4
Chưa qua đào tạo	85,4	73,8	71,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2012, 2022, 2025)

- a) Biểu đồ tròn là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu lao động có việc làm phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật của nước ta năm 2010 và 2024.
- b) Tỷ lệ lao động có việc làm đã qua đào tạo năm 2010 lớn hơn tỷ lệ lao động có việc làm chưa qua đào tạo.
- c) Chất lượng lao động ngày càng tăng nhờ thành tựu trong sự phát triển giáo dục, văn hóa, y tế.
- d) Tỷ lệ lao động có việc làm đã qua đào tạo năm 2024 gấp hơn 2,5 lần tỷ lệ lao động có việc làm chưa qua đào tạo.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Địa hình khá phức tạp, gồm các dãy núi, cao nguyên badan xếp tầng, đồng bằng châu thổ rộng lớn và đồng bằng nhỏ hẹp ven biển. Khí hậu cận xích đạo gió mùa, phân hóa đa dạng, có mùa khô kéo dài và gay gắt. Cảnh quan thiên nhiên điển hình là đới rừng cận xích đạo gió mùa.

- a) Nội dung trên thể hiện đặc điểm tự nhiên của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.
- b) Thành phần loài sinh vật chiếm ưu thế là xích đạo và cận nhiệt, vùng ven biển và cửa sông phát triển rừng ngập mặn và rừng tràm.
- c) Khí hậu và cảnh quan thiên nhiên của miền có sự phân hóa theo quy luật phi địa đới.
- d) Địa hình của miền đa dạng chủ yếu do tác động tổng hợp của nội lực và các quá trình ngoại lực.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Ngành chăn nuôi lợn của nước ta phát triển nhờ nguồn thức ăn dồi dào, nhu cầu tiêu thụ nội địa cao, lực lượng lao động giàu kinh nghiệm và sự chuyển dịch mạnh mẽ sang chăn nuôi trang trại công nghiệp. Hướng quan trọng phát triển chăn nuôi lợn tại Việt Nam hiện nay là tập trung theo mô hình an toàn sinh học, áp dụng công nghệ cao và xây dựng chuỗi liên kết giá trị từ giống, thức ăn đến giết mổ và tiêu thụ.

- a) Thức ăn công nghiệp đã hoàn toàn thay thế thức ăn thô xanh, phụ phẩm nông nghiệp trong các mô hình chăn nuôi lợn.
- b) Chăn nuôi lợn theo mô hình an toàn sinh học giúp lợn phát triển tốt và hoàn toàn không bị dịch bệnh.
- c) Nước ta có nhiều thế mạnh để phát triển chăn nuôi lợn.
- d) Áp dụng công nghệ cao trong chăn nuôi góp phần kiểm soát dịch bệnh, nâng cao chất lượng sản phẩm và hướng tới phát triển bền vững.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Diện tích trồng ngô, sản lượng ngô nước ta năm 2020 và năm 2023

Năm	Diện tích (Nghìn ha)	Sản lượng (Nghìn tấn)
2020	942,5	4 558,2
2023	884,6	4 437,2

(Nguồn: <https://www.nso.gov.vn>)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năng suất ngô của nước ta năm 2023 so với năm 2020 tăng thêm bao nhiêu tạ/ha (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của đơn vị tạ/ha).

Câu 2. Năm 2023, tổng dân số nước ta là 100,3 triệu người, trong đó dân số nam là 50,0 triệu người. Hãy cho biết tỉ số giới tính của nước ta năm 2023 là bao nhiêu phần trăm? *(làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của đơn vị %).*

Câu 3. Biết trên đỉnh núi Rào Cỏ cao 2235m đang có nhiệt độ là 18°C , vậy trong cùng thời điểm đó nhiệt độ ở độ cao 1000m (sườn khuất gió) sẽ là bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$? *(làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của đơn vị $^{\circ}\text{C}$)*

Câu 4. Năm 2024, tổng diện tích rừng của nước ta là 14,8 triệu ha. Trong đó, diện tích rừng trồng là 4,7 triệu ha. Hãy cho biết năm 2024, diện tích rừng trồng trong tổng diện tích rừng của nước ta là bao nhiêu phần trăm *(làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của đơn vị %).*

Câu 5. Một tàu đánh cá của ngư dân Việt Nam đang tiến hành khai thác hải sản cách đường biên giới quốc gia trên biển của nước ta về phía đông 28 hải lí (biết 1 hải lí = 1852m). Hỏi tàu đánh cá trên cách đường cơ sở nước ta bao nhiêu km? *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của đơn vị km).*

Câu 6. Năm 2023, sản lượng thủy sản nước ta là 9,3 triệu tấn. Trong đó tỉ trọng sản lượng khai thác chiếm 40,1%. Hãy cho biết sản lượng thủy sản nuôi trồng năm 2023 là bao nhiêu triệu tấn *(làm tròn đến kết quả đến hai chữ số thập phân của đơn vị triệu tấn).*

---HẾT---

(Thí sinh không được sử dụng atlas trong quá trình làm bài, cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.)

ĐỀ THI CHÍNH THỨC
(Đề thi có 04 trang)

Họ và tên:.....
Số báo danh:.....

Mã đề: 0902

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Đặc điểm nào sau đây đúng với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ nước ta hiện nay?

- A. Tỉ trọng kinh tế Nhà nước tăng nhanh. B. Tỉ trọng dịch vụ lớn và ngày càng giảm.
C. Tỉ trọng ngành thủy sản giảm mạnh. D. Hình thành nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất.

Câu 2. Sản lượng khai thác hải sản ở nước ta tăng nhanh trong thời gian gần đây chủ yếu do tác động của các nhân tố

- A. công nghiệp chế biến, nguồn lợi tự nhiên, lao động.
B. công nghệ khai thác, thị trường, công nghiệp chế biến.
C. thị trường, lao động dồi dào, công nghiệp chế biến.
D. ngư dân có kinh nghiệm, thị trường, nhiều ngư trường.

Câu 3. Đặc trưng của khí hậu miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

- A. mùa mưa lùi dần về mùa thu – đông. B. chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.
C. phân chia hai mùa mưa, khô sâu sắc. D. gió phơn Tây Nam hoạt động mạnh.

Câu 4. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với dân số nước ta?

- A. Có sự thay đổi về cơ cấu theo nhóm tuổi. B. Có quy mô dân số đông và rất ổn định.
C. Dân số đông, nhiều thành phần dân tộc. D. Dân cư tập trung chủ yếu ở đồng bằng.

Câu 5. Đồng bằng sông Cửu Long có thuận lợi chủ yếu nào sau đây để phát triển cây lúa?

- A. Nhiều vùng trũng ngập nước, đất phèn có thể cải tạo được.
B. Địa hình bằng phẳng, lượng mưa lớn phân hóa theo mùa.
C. Khí hậu có tính chất cận xích đạo, đất phù sa màu mỡ.
D. Tài nguyên đất đa dạng, nguồn nhiệt ẩm rất dồi dào.

Câu 6. Nguyên nhân chủ yếu làm tăng thêm tính bất bình đẳng của nông nghiệp nước ta là

- A. thiên nhiên mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa. B. địa hình, đất trồng, sông ngòi có sự phân hóa rõ.
C. khí hậu phân hóa theo Bắc - Nam và theo độ cao. D. đất trồng đa dạng và sinh vật rất phong phú.

Câu 7. Các ngành công nghiệp nước ta phân bố nhiều ở

- A. đồng bằng. B. hải đảo. C. sơn nguyên. D. núi cao.

Câu 8. Loại hình dịch vụ nào sau đây mới ra đời ở nước ta?

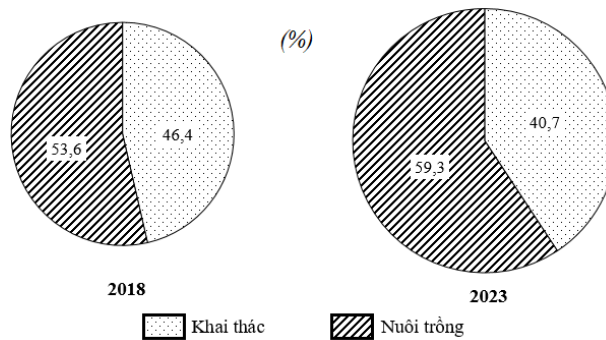
- A. Thương mại. B. Du lịch. C. Bưu chính. D. Logistics.

Câu 9. Nhà máy thủy điện có công suất lớn nhất nước ta hiện nay là

- A. Yaly. B. Hòa Bình. C. Thác Bà. D. Sơn La.

Câu 10. Cho biểu đồ:

Cơ cấu sản lượng thủy sản khai thác, nuôi trồng ở nước ta năm 2018 và năm 2023



(Nguồn: Tổng cục Thống kê - <https://www.nso.gov.vn/>)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. So với năm 2018, tỉ trọng thủy sản nuôi trồng tăng 7,5%.
- B. Sản lượng thủy sản nuôi trồng luôn lớn hơn so với khai thác.
- C. Tỉ trọng sản lượng thủy sản khai thác giảm và giảm 12,9% so với năm 2018.
- D. Tỉ trọng thủy sản khai thác tăng, thủy sản nuôi trồng giảm.

Câu 11. Vị trí địa lí của Trung du và miền núi phía Bắc **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. giáp Trung Quốc ở phía bắc.
- B. giáp Bắc Trung Bộ.
- C. giáp vịnh Bắc Bộ ở phía đông.
- D. tiếp giáp với đồng bằng sông Hồng.

Câu 12. Đông Nam Bộ hiện nay có thể mạnh để

- A. trồng rau vụ đông.
- B. trồng cây cận nhiệt.
- C. khai thác dầu khí.
- D. khai thác than nâu.

Câu 13. Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây thường gây ngập lụt ở vùng đồng bằng ven biển miền Trung nước ta?

- A. mưa đá.
- B. mưa phùn.
- C. mưa bão.
- D. mưa tuyết.

Câu 14. Đô thị hóa nước ta tiêu thụ mạnh các sản phẩm hàng hóa chủ yếu do

- A. cơ sở hạ tầng khá tốt, giao thương thuận lợi.
- B. dịch vụ đa dạng, kinh doanh phát triển.
- C. dân cư tập trung đông, chất lượng sống ngày càng cao.
- D. mật độ dân số cao, thu hút nhiều vốn đầu tư.

Câu 15. Ý nào sau đây đúng với vai trò của thành phần kinh tế Nhà nước trong quá trình phát triển kinh tế nước ta?

- A. Phục vụ lợi ích chủ yếu cho các doanh nghiệp lớn.
- B. Nắm giữ các ngành và lĩnh vực kinh tế then chốt.
- C. Là thành phần duy nhất góp phần tăng trưởng kinh tế.
- D. Có vai trò lớn trong thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 16. Hiện tượng xói mòn đất thường xảy ra phổ biến nhất ở

- A. vùng đồi núi.
- B. các làng nghề.
- C. vùng đồng bằng.
- D. các thành phố lớn.

Câu 17. Du lịch biển đảo ngày càng phát triển mạnh ở Nam Trung Bộ chủ yếu do

- A. thời gian khai thác du lịch dài, đẩy mạnh quảng bá hình ảnh.
- B. chất lượng cuộc sống nâng cao, chính sách mới, chi phí rẻ.
- C. trình độ lao động cao, giao thông thuận tiện, mức sống tăng.
- D. đầu tư cơ sở hạ tầng, nhu cầu lớn, đa dạng hóa sản phẩm du lịch.

Câu 18. Khu vực thích hợp cho nuôi trồng thủy sản nước ngọt ở nước ta là

- A. rừng ngập mặn.
- B. các đảo ven bờ.
- C. các bãi triều rộng.
- D. ô trũng đồng bằng.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Ngành chăn nuôi lợn của nước ta phát triển nhờ nguồn thức ăn dồi dào, nhu cầu tiêu thụ nội địa cao, lực lượng lao động giàu kinh nghiệm và sự chuyển dịch mạnh mẽ sang chăn nuôi trang trại công nghiệp. Hướng quan trọng phát triển chăn nuôi lợn tại Việt Nam hiện nay là tập trung theo mô hình an toàn sinh học, áp dụng công nghệ cao và xây dựng chuỗi liên kết giá trị từ giống, thức ăn đến giết mổ và tiêu thụ.

- a) Áp dụng công nghệ cao trong chăn nuôi góp phần kiểm soát dịch bệnh, nâng cao chất lượng sản phẩm và hướng tới phát triển bền vững.
- b) Chăn nuôi lợn theo mô hình an toàn sinh học giúp lợn phát triển tốt và hoàn toàn không bị dịch bệnh.
- c) Thức ăn công nghiệp đã hoàn toàn thay thế thức ăn thô xanh, phụ phẩm nông nghiệp trong các mô hình chăn nuôi lợn.
- d) Nước ta có nhiều thế mạnh để phát triển chăn nuôi lợn.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Địa hình khá phức tạp, gồm các dãy núi, cao nguyên badan xếp tầng, đồng bằng châu thổ rộng lớn và đồng bằng nhỏ hẹp ven biển. Khí hậu cận xích đạo gió mùa, phân hóa đa dạng, có mùa khô kéo dài và gay gắt. Cảnh quan thiên nhiên điển hình là đới rừng cận xích đạo gió mùa.

- a) Thành phần loài sinh vật chiếm ưu thế là xích đạo và cận nhiệt, vùng ven biển và cửa sông phát triển rừng ngập mặn và rừng tràm.
- b) Khí hậu và cảnh quan thiên nhiên của miền có sự phân hóa theo quy luật phi địa đới.
- c) Địa hình của miền đa dạng chủ yếu do tác động tổng hợp của nội lực và các quá trình ngoại lực.
- d) Nội dung trên thể hiện đặc điểm tự nhiên của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Cửu Long là một trong những vùng kinh tế ở nước ta chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu như: lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, triều cường, nước biển dâng, sạt lở bờ sông, sạt lở các khu vực ven biển và các rủi ro khác liên quan đến biến đổi khí hậu.

- a) Một trong những mục tiêu để phát triển kinh tế, ứng phó với biến đổi khí hậu của vùng là phát triển các mô hình sinh kế thông minh, nâng cao hiểu biết của người dân, thay đổi tập quán sản xuất.
- b) Đồng bằng sông Cửu Long có ba mặt giáp biển, địa hình thấp nhất nước ta, có nhiều cửa sông đổ ra biển.
- c) Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp trong vùng, sử dụng các loại cây trồng, vật nuôi thích ứng với hạn hán, chịu được ngập và xâm nhập mặn là giải pháp chủ yếu để giảm thiểu tác nhân gây ra biến đổi khí hậu.
- d) Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích, sản lượng lúa chiếm trên 50%, năng suất lúa cả năm luôn cao hơn trung bình cả nước.

Câu 4. Cho bảng số liệu sau:

Cơ cấu lao động có việc làm phân theo trình độ chuyên môn kĩ thuật của nước ta giai đoạn 2010 - 2024

(Đơn vị: %)

Trình độ chuyên môn kĩ thuật	2010	2021	2024
Đã qua đào tạo	14,6	26,2	28,4
Chưa qua đào tạo	85,4	73,8	71,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2012, 2022, 2025)

- a) Tỷ lệ lao động có việc làm đã qua đào tạo năm 2010 lớn hơn tỷ lệ lao động có việc làm chưa qua đào tạo.
- b) Chất lượng lao động ngày càng tăng nhờ thành tựu trong sự phát triển giáo dục, văn hóa, y tế.
- c) Biểu đồ tròn là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu lao động có việc làm phân theo trình độ chuyên môn kĩ thuật của nước ta năm 2010 và 2024.
- d) Tỷ lệ lao động có việc làm đã qua đào tạo năm 2024 gấp hơn 2,5 lần tỷ lệ lao động có việc làm chưa qua đào tạo.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Năm 2023, sản lượng thủy sản nước ta là 9,3 triệu tấn. Trong đó tỉ trọng sản lượng khai thác chiếm 40,1%. Hãy cho biết sản lượng thủy sản nuôi trồng năm 2023 là bao nhiêu triệu tấn (làm tròn đến kết quả đến hai chữ số thập phân của đơn vị triệu tấn).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Diện tích trồng ngô, sản lượng ngô nước ta năm 2020 và năm 2023

Năm	Diện tích (Nghìn ha)	Sản lượng (Nghìn tấn)
2020	942,5	4 558,2
2023	884,6	4 437,2

(Nguồn: <https://www.nso.gov.vn>)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năng suất ngô của nước ta năm 2023 so với năm 2020 tăng thêm bao nhiêu tạ/ha (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của đơn vị tạ/ha).

Câu 3. Một tàu đánh cá của ngư dân Việt Nam đang tiến hành khai thác hải sản cách đường biên giới quốc gia trên biển của nước ta về phía đông 28 hải lý (biết 1 hải lý = 1852m). Hỏi tàu đánh cá trên cách đường cơ sở nước ta bao nhiêu km? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của đơn vị km).

Câu 4. Biết trên đỉnh núi Rào Cỏ cao 2235m đang có nhiệt độ là 18°C , vậy trong cùng thời điểm đó nhiệt độ ở độ cao 1000m (sườn khuất gió) sẽ là bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của đơn vị $^{\circ}\text{C}$)

Câu 5. Năm 2024, tổng diện tích rừng của nước ta là 14,8 triệu ha. Trong đó, diện tích rừng trồng là 4,7 triệu ha. Hãy cho biết năm 2024, diện tích rừng trồng trong tổng diện tích rừng của nước ta là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của đơn vị %).

Câu 6. Năm 2023, tổng dân số nước ta là 100,3 triệu người, trong đó dân số nam là 50,0 triệu người. Hãy cho biết tỉ số giới tính của nước ta năm 2023 là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của đơn vị %).

----HẾT----

(Thí sinh không được sử dụng atlas trong quá trình làm bài, cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.)

ĐỀ THI CHÍNH THỨC
(Đề thi có 04 trang)

Họ và tên:.....
Số báo danh:.....

Mã đề: 0903

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Đặc điểm nào sau đây đúng với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ nước ta hiện nay?

- A. Tỷ trọng kinh tế Nhà nước tăng nhanh. B. Tỷ trọng dịch vụ lớn và ngày càng giảm.
C. Hình thành nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất. D. Tỷ trọng ngành thủy sản giảm mạnh.

Câu 2. Nguyên nhân chủ yếu làm tăng thêm tính bất bình của nông nghiệp nước ta là

- A. địa hình, đất trồng, sông ngòi có sự phân hóa rõ. B. đất trồng đa dạng và sinh vật rất phong phú.
C. thiên nhiên mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa. D. khí hậu phân hóa theo Bắc - Nam và theo độ cao.

Câu 3. Các ngành công nghiệp nước ta phân bố nhiều ở

- A. hải đảo. B. đồng bằng. C. núi cao. D. sơn nguyên.

Câu 4. Khu vực thích hợp cho nuôi trồng thủy sản nước ngọt ở nước ta là

- A. các đảo ven bờ. B. rừng ngập mặn. C. ô trũng đồng bằng. D. các bãi triều rộng.

Câu 5. Đặc trưng của khí hậu miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

- A. chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc. B. phân chia hai mùa mưa, khô sâu sắc.
C. gió phơn Tây Nam hoạt động mạnh. D. mùa mưa lùi dần về mùa thu – đông.

Câu 6. Du lịch biển đảo ngày càng phát triển mạnh ở Nam Trung Bộ chủ yếu do

- A. đầu tư cơ sở hạ tầng, nhu cầu lớn, đa dạng hóa sản phẩm du lịch.
B. chất lượng cuộc sống nâng cao, chính sách mới, chi phí rẻ.
C. thời gian khai thác du lịch dài, đẩy mạnh quảng bá hình ảnh.
D. trình độ lao động cao, giao thông thuận tiện, mức sống tăng.

Câu 7. Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây thường gây ngập lụt ở vùng đồng bằng ven biển miền Trung nước ta?

- A. mưa bão. B. mưa đá. C. mưa tuyết. D. mưa phùn.

Câu 8. Ý nào sau đây đúng với vai trò của thành phần kinh tế Nhà nước trong quá trình phát triển kinh tế nước ta?

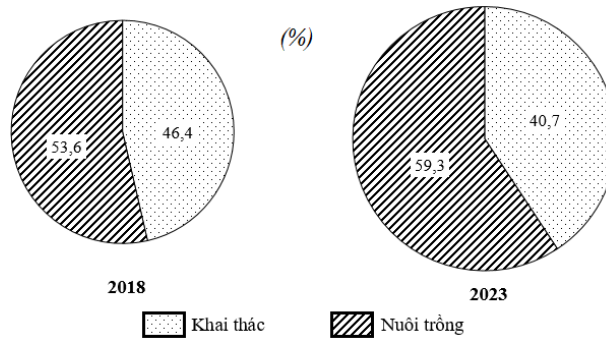
- A. Giữ gìn các ngành và lĩnh vực kinh tế then chốt.
B. Có vai trò lớn trong thu hút vốn đầu tư nước ngoài.
C. Là thành phần duy nhất góp phần tăng trưởng kinh tế.
D. Phục vụ lợi ích chủ yếu cho các doanh nghiệp lớn.

Câu 9. Loại hình dịch vụ nào sau đây mới ra đời ở nước ta?

- A. Logistics. B. Bru chính. C. Du lịch. D. Thương mại.

Câu 10. Cho biểu đồ:

Cơ cấu sản lượng thủy sản khai thác, nuôi trồng ở nước ta năm 2018 và năm 2023



(Nguồn: Tổng cục Thống kê - <https://www.nso.gov.vn/>)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Sản lượng thủy sản nuôi trồng luôn lớn hơn so với khai thác.
- B. So với năm 2018, tỉ trọng thủy sản nuôi trồng tăng 7,5%.
- C. Tỉ trọng sản lượng thủy sản khai thác giảm và giảm 12,9% so với năm 2018.
- D. Tỉ trọng thủy sản khai thác tăng, thủy sản nuôi trồng giảm.

Câu 11. Nhà máy thủy điện có công suất lớn nhất nước ta hiện nay là

- A. Sơn La.
- B. Thác Bà.
- C. Hòa Bình.
- D. Yaly.

Câu 12. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với dân số nước ta?

- A. Có quy mô dân số đông và rất ổn định.
- B. Dân cư tập trung chủ yếu ở đồng bằng.
- C. Có sự thay đổi về cơ cấu theo nhóm tuổi.
- D. Dân số đông, nhiều thành phần dân tộc.

Câu 13. Vị trí địa lí của Trung du và miền núi phía Bắc **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. giáp Trung Quốc ở phía bắc.
- B. giáp Bắc Trung Bộ.
- C. tiếp giáp với đồng bằng sông Hồng.
- D. giáp vịnh Bắc Bộ ở phía đông.

Câu 14. Đô thị hóa nước ta tiêu thụ mạnh các sản phẩm hàng hóa chủ yếu do

- A. dân cư tập trung đông, chất lượng sống ngày càng cao.
- B. dịch vụ đa dạng, kinh doanh phát triển.
- C. mật độ dân số cao, thu hút nhiều vốn đầu tư.
- D. cơ sở hạ tầng khá tốt, giao thương thuận lợi.

Câu 15. Hiện tượng xói mòn đất thường xảy ra phổ biến nhất ở

- A. vùng đồi núi.
- B. vùng đồng bằng.
- C. các làng nghề.
- D. các thành phố lớn.

Câu 16. Đồng bằng sông Cửu Long có thuận lợi chủ yếu nào sau đây để phát triển cây lúa?

- A. Tài nguyên đất đa dạng, nguồn nhiệt ẩm rất dồi dào.
- B. Nhiều vùng trũng ngập nước, đất phèn có thể cải tạo được.
- C. Khí hậu có tính chất cận xích đạo, đất phù sa màu mỡ.
- D. Địa hình bằng phẳng, lượng mưa lớn phân hóa theo mùa.

Câu 17. Sản lượng khai thác hải sản ở nước ta tăng nhanh trong thời gian gần đây chủ yếu do tác động của các nhân tố

- A. thị trường, lao động dồi dào, công nghiệp chế biến.
- B. công nghiệp chế biến, nguồn lợi tự nhiên, lao động.
- C. công nghệ khai thác, thị trường, công nghiệp chế biến.
- D. ngư dân có kinh nghiệm, thị trường, nhiều ngư trường.

Câu 18. Đông Nam Bộ hiện nay có thể mạnh để

- A. trồng rau vụ đông.
- B. khai thác dầu khí.
- C. khai thác than nâu.
- D. trồng cây cận nhiệt.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Địa hình khá phức tạp, gồm các dãy núi, cao nguyên badan xếp tầng, đồng bằng châu thổ rộng lớn và đồng bằng nhỏ hẹp ven biển. Khí hậu cận xích đạo gió mùa, phân hóa đa dạng, có mùa khô kéo dài và gay gắt. Cảnh quan thiên nhiên điển hình là đới rừng cận xích đạo gió mùa.

- a) Nội dung trên thể hiện đặc điểm tự nhiên của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

- b) Khí hậu và cảnh quan thiên nhiên của miền có sự phân hóa theo quy luật phi địa đới.
- c) Thành phần loài sinh vật chiếm ưu thế là xích đạo và cận nhiệt, vùng ven biển và cửa sông phát triển rừng ngập mặn và rừng tràm.
- d) Địa hình của miền đa dạng chủ yếu do tác động tổng hợp của nội lực và các quá trình ngoại lực.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Cửu Long là một trong những vùng kinh tế ở nước ta chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu như: lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, triều cường, nước biển dâng, sạt lở bờ sông, sạt lở các khu vực ven biển và các rủi ro khác liên quan đến biến đổi khí hậu.

- a) Một trong những mục tiêu để phát triển kinh tế, ứng phó với biến đổi khí hậu của vùng là phát triển các mô hình sinh kế thông minh, nâng cao hiểu biết của người dân, thay đổi tập quán sản xuất.
- b) Đồng bằng sông Cửu Long có ba mặt giáp biển, địa hình thấp nhất nước ta, có nhiều cửa sông đổ ra biển.
- c) Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp trong vùng, sử dụng các loại cây trồng, vật nuôi thích ứng với hạn hán, chịu được ngập và xâm nhập mặn là giải pháp chủ yếu để giảm thiểu tác nhân gây ra biến đổi khí hậu.
- d) Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích, sản lượng lúa chiếm trên 50%, năng suất lúa cả năm luôn cao hơn trung bình cả nước.

Câu 3. Cho bảng số liệu sau:

Cơ cấu lao động có việc làm phân theo trình độ chuyên môn kĩ thuật của nước ta giai đoạn 2010 - 2024

(Đơn vị: %)

Trình độ chuyên môn kĩ thuật	2010	2021	2024
Đã qua đào tạo	14,6	26,2	28,4
Chưa qua đào tạo	85,4	73,8	71,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2012, 2022, 2025)

- a) Chất lượng lao động ngày càng tăng nhờ thành tựu trong sự phát triển giáo dục, văn hóa, y tế.
- b) Biểu đồ tròn là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu lao động có việc làm phân theo trình độ chuyên môn kĩ thuật của nước ta năm 2010 và 2024.
- c) Tỷ lệ lao động có việc làm đã qua đào tạo năm 2024 gấp hơn 2,5 lần tỷ lệ lao động có việc làm chưa qua đào tạo.
- d) Tỷ lệ lao động có việc làm đã qua đào tạo năm 2010 lớn hơn tỷ lệ lao động có việc làm chưa qua đào tạo.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Ngành chăn nuôi lợn của nước ta phát triển nhờ nguồn thức ăn dồi dào, nhu cầu tiêu thụ nội địa cao, lực lượng lao động giàu kinh nghiệm và sự chuyển dịch mạnh mẽ sang chăn nuôi trang trại công nghiệp. Hướng quan trọng phát triển chăn nuôi lợn tại Việt Nam hiện nay là tập trung theo mô hình an toàn sinh học, áp dụng công nghệ cao và xây dựng chuỗi liên kết giá trị từ giống, thức ăn đến giết mổ và tiêu thụ.

- a) Chăn nuôi lợn theo mô hình an toàn sinh học giúp lợn phát triển tốt và hoàn toàn không bị dịch bệnh.
- b) Nước ta có nhiều thế mạnh để phát triển chăn nuôi lợn.
- c) Áp dụng công nghệ cao trong chăn nuôi góp phần kiểm soát dịch bệnh, nâng cao chất lượng sản phẩm và hướng tới phát triển bền vững.
- d) Thức ăn công nghiệp đã hoàn toàn thay thế thức ăn thô xanh, phụ phẩm nông nghiệp trong các mô hình chăn nuôi lợn.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Năm 2023, sản lượng thủy sản nước ta là 9,3 triệu tấn. Trong đó tỉ trọng sản lượng khai thác chiếm 40,1%. Hãy cho biết sản lượng thủy sản nuôi trồng năm 2023 là bao nhiêu triệu tấn (làm tròn đến kết quả đến hai chữ số thập phân của đơn vị triệu tấn).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Diện tích trồng ngô, sản lượng ngô nước ta năm 2020 và năm 2023

Năm	Diện tích (Nghìn ha)	Sản lượng (Nghìn tấn)
2020	942,5	4 558,2
2023	884,6	4 437,2

(Nguồn: <https://www.nso.gov.vn>)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năng suất ngô của nước ta năm 2023 so với năm 2020 tăng thêm bao nhiêu tạ/ha (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của đơn vị tạ/ha).

Câu 3. Biết trên đỉnh núi Rào Cỏ cao 2235m đang có nhiệt độ là 18°C , vậy trong cùng thời điểm đó nhiệt độ ở độ cao 1000m (sườn khuất gió) sẽ là bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của đơn vị $^{\circ}\text{C}$)

Câu 4. Năm 2023, tổng dân số nước ta là 100,3 triệu người, trong đó dân số nam là 50,0 triệu người. Hãy cho biết tỉ số giới tính của nước ta năm 2023 là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của đơn vị %).

Câu 5. Năm 2024, tổng diện tích rừng của nước ta là 14,8 triệu ha. Trong đó, diện tích rừng trồng là 4,7 triệu ha. Hãy cho biết năm 2024, diện tích rừng trồng trong tổng diện tích rừng của nước ta là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của đơn vị %).

Câu 6. Một tàu đánh cá của ngư dân Việt Nam đang tiến hành khai thác hải sản cách đường biên giới quốc gia trên biển của nước ta về phía đông 28 hải lí (biết 1 hải lí = 1852m). Hỏi tàu đánh cá trên cách đường cơ sở nước ta bao nhiêu km? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của đơn vị km).

---HẾT---

(Thí sinh không được sử dụng atlas trong quá trình làm bài, cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.)

ĐỀ THI CHÍNH THỨC
(Đề thi có 04 trang)

Họ và tên:.....

Số báo danh:.....

Mã đề: 0904

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây thường gây ngập lụt ở vùng đồng bằng ven biển miền Trung nước ta?

- A. mưa đá. B. mưa tuyết. C. mưa bão. D. mưa phùn.

Câu 2. Khu vực thích hợp cho nuôi trồng thủy sản nước ngọt ở nước ta là

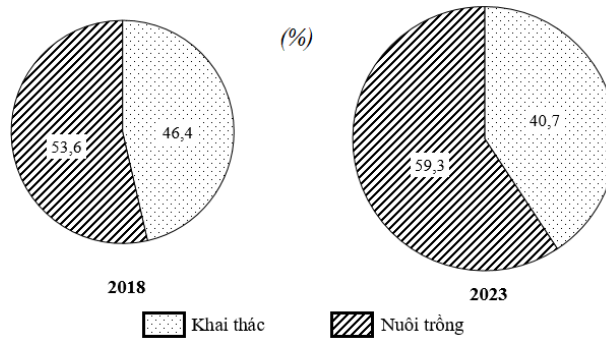
- A. rừng ngập mặn. B. các bãi triều rộng. C. ô trũng đồng bằng. D. các đảo ven bờ.

Câu 3. Nguyên nhân chủ yếu làm tăng thêm tính bất bình đẳng của nông nghiệp nước ta là

- A. khí hậu phân hóa theo Bắc - Nam và theo độ cao. B. địa hình, đất trồng, sông ngòi có sự phân hóa rõ.
C. thiên nhiên mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa. D. đất trồng đa dạng và sinh vật rất phong phú.

Câu 4. Cho biểu đồ:

Cơ cấu sản lượng thủy sản khai thác, nuôi trồng ở nước ta năm 2018 và năm 2023



(Nguồn: Tổng cục Thống kê - <https://www.nso.gov.vn/>)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Tỷ trọng thủy sản khai thác tăng, thủy sản nuôi trồng giảm.
B. So với năm 2018, tỷ trọng thủy sản nuôi trồng tăng 7,5%.
C. Tỷ trọng sản lượng thủy sản khai thác giảm và giảm 12,9% so với năm 2018.
D. Sản lượng thủy sản nuôi trồng luôn lớn hơn so với khai thác.

Câu 5. Nhà máy thủy điện có công suất lớn nhất nước ta hiện nay là

- A. Yaly. B. Hòa Bình. C. Sơn La. D. Thác Bà.

Câu 6. Du lịch biển đảo ngày càng phát triển mạnh ở Nam Trung Bộ chủ yếu do

- A. chất lượng cuộc sống nâng cao, chính sách mới, chi phí rẻ.
B. thời gian khai thác du lịch dài, đẩy mạnh quảng bá hình ảnh.
C. trình độ lao động cao, giao thông thuận tiện, mức sống tăng.
D. đầu tư cơ sở hạ tầng, nhu cầu lớn, đa dạng hóa sản phẩm du lịch.

Câu 7. Ý nào sau đây đúng với vai trò của thành phần kinh tế Nhà nước trong quá trình phát triển kinh tế nước ta?

- A. Là thành phần duy nhất góp phần tăng trưởng kinh tế.
B. Có vai trò lớn trong thu hút vốn đầu tư nước ngoài.
C. Giữ gìn các ngành và lĩnh vực kinh tế then chốt.
D. Phục vụ lợi ích chủ yếu cho các doanh nghiệp lớn.

Câu 8. Hiện tượng xói mòn đất thường xảy ra phổ biến nhất ở

- A. vùng đồng bằng. B. các làng nghề. C. các thành phố lớn. D. vùng đồi núi.

Câu 9. Đặc trưng của khí hậu miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

- A. mùa mưa lùi dần về mùa thu – đông. B. chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.
C. phân chia hai mùa mưa, khô sâu sắc. D. gió phơn Tây Nam hoạt động mạnh.

Câu 10. Đặc điểm nào sau đây đúng với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ nước ta hiện nay?

- A. Tỷ trọng dịch vụ lớn và ngày càng giảm. B. Tỷ trọng ngành thủy sản giảm mạnh.
C. Hình thành nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất. D. Tỷ trọng kinh tế Nhà nước tăng nhanh.

Câu 11. Sản lượng khai thác hải sản ở nước ta tăng nhanh trong thời gian gần đây chủ yếu do tác động của các nhân tố

- A. công nghiệp chế biến, nguồn lợi tự nhiên, lao động.
B. ngư dân có kinh nghiệm, thị trường, nhiều ngư trường.
C. công nghệ khai thác, thị trường, công nghiệp chế biến.
D. thị trường, lao động dồi dào, công nghiệp chế biến.

Câu 12. Vị trí địa lý của Trung du và miền núi phía Bắc **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. giáp Trung Quốc ở phía bắc. B. tiếp giáp với đồng bằng sông Hồng.
C. giáp Bắc Trung Bộ. D. giáp vịnh Bắc Bộ ở phía đông.

Câu 13. Các ngành công nghiệp nước ta phân bố nhiều ở

- A. sơn nguyên. B. đồng bằng. C. núi cao. D. hải đảo.

Câu 14. Đồng bằng sông Cửu Long có thuận lợi chủ yếu nào sau đây để phát triển cây lúa?

- A. Khí hậu có tính chất cận xích đạo, đất phù sa màu mỡ.
B. Nhiều vùng trũng ngập nước, đất phèn có thể cải tạo được.
C. Địa hình bằng phẳng, lượng mưa lớn phân hóa theo mùa.
D. Tài nguyên đất đa dạng, nguồn nhiệt ẩm rất dồi dào.

Câu 15. Đô thị hóa nước ta tiêu thụ mạnh các sản phẩm hàng hóa chủ yếu do

- A. cơ sở hạ tầng khá tốt, giao thương thuận lợi.
B. dân cư tập trung đông, chất lượng sống ngày càng cao.
C. mật độ dân số cao, thu hút nhiều vốn đầu tư.
D. dịch vụ đa dạng, kinh doanh phát triển.

Câu 16. Loại hình dịch vụ nào sau đây mới ra đời ở nước ta?

- A. Du lịch. B. Logistics. C. Thương mại. D. Bưu chính.

Câu 17. Đông Nam Bộ hiện nay có thế mạnh để

- A. khai thác than nâu. B. trồng cây cận nhiệt. C. khai thác dầu khí. D. trồng rau vụ đông.

Câu 18. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với dân số nước ta?

- A. Dân số đông, nhiều thành phần dân tộc. B. Có sự thay đổi về cơ cấu theo nhóm tuổi.
C. Dân cư tập trung chủ yếu ở đồng bằng. D. Có quy mô dân số đông và rất ổn định.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Ngành chăn nuôi lợn của nước ta phát triển nhờ nguồn thức ăn dồi dào, nhu cầu tiêu thụ nội địa cao, lực lượng lao động giàu kinh nghiệm và sự chuyển dịch mạnh mẽ sang chăn nuôi trang trại công nghiệp. Hướng quan trọng phát triển chăn nuôi lợn tại Việt Nam hiện nay là tập trung theo mô hình an toàn sinh học, áp dụng công nghệ cao và xây dựng chuỗi liên kết giá trị từ giống, thức ăn đến giết mổ và tiêu thụ.

a) Nước ta có nhiều thế mạnh để phát triển chăn nuôi lợn.

b) Thức ăn công nghiệp đã hoàn toàn thay thế thức ăn thô xanh, phụ phẩm nông nghiệp trong các mô hình chăn nuôi lợn.

c) Chăn nuôi lợn theo mô hình an toàn sinh học giúp lợn phát triển tốt và hoàn toàn không bị dịch bệnh.

d) Áp dụng công nghệ cao trong chăn nuôi góp phần kiểm soát dịch bệnh, nâng cao chất lượng sản phẩm và hướng tới phát triển bền vững.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Địa hình khá phức tạp, gồm các dãy núi, cao nguyên badan xếp tầng, đồng bằng châu thổ rộng lớn và đồng bằng nhỏ hẹp ven biển. Khí hậu cận xích đạo gió mùa, phân hóa đa dạng, có mùa khô kéo dài và gay gắt. Cảnh quan thiên nhiên điển hình là đới rừng cận xích đạo gió mùa.

- a) Địa hình của miền đa dạng chủ yếu do tác động tổng hợp của nội lực và các quá trình ngoại lực.
- b) Nội dung trên thể hiện đặc điểm tự nhiên của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.
- c) Khí hậu và cảnh quan thiên nhiên của miền có sự phân hóa theo quy luật phi địa đới.
- d) Thành phần loài sinh vật chiếm ưu thế là xích đạo và cận nhiệt, vùng ven biển và cửa sông phát triển rừng ngập mặn và rừng tràm.

Câu 3. Cho bảng số liệu sau:

Cơ cấu lao động có việc làm phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật của nước ta giai đoạn 2010 - 2024
(Đơn vị: %)

Trình độ chuyên môn kỹ thuật	2010	2021	2024
Đã qua đào tạo	14,6	26,2	28,4
Chưa qua đào tạo	85,4	73,8	71,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2012, 2022, 2025)

- a) Tỷ lệ lao động có việc làm đã qua đào tạo năm 2010 lớn hơn tỷ lệ lao động có việc làm chưa qua đào tạo.
- b) Tỷ lệ lao động có việc làm đã qua đào tạo năm 2024 gấp hơn 2,5 lần tỷ lệ lao động có việc làm chưa qua đào tạo.
- c) Chất lượng lao động ngày càng tăng nhờ thành tựu trong sự phát triển giáo dục, văn hóa, y tế.
- d) Biểu đồ tròn là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu lao động có việc làm phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật của nước ta năm 2010 và 2024.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Cửu Long là một trong những vùng kinh tế ở nước ta chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu như: lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, triều cường, nước biển dâng, sạt lở bờ sông, sạt lở các khu vực ven biển và các rủi ro khác liên quan đến biến đổi khí hậu.

- a) Đồng bằng sông Cửu Long có ba mặt giáp biển, địa hình thấp nhất nước ta, có nhiều cửa sông đổ ra biển.
- b) Một trong những mục tiêu để phát triển kinh tế, ứng phó với biến đổi khí hậu của vùng là phát triển các mô hình sinh kế thông minh, nâng cao hiểu biết của người dân, thay đổi tập quán sản xuất.
- c) Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích, sản lượng lúa chiếm trên 50%, năng suất lúa cả năm luôn cao hơn trung bình cả nước.
- d) Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp trong vùng, sử dụng các loại cây trồng, vật nuôi thích ứng với hạn hán, chịu được ngập và xâm nhập mặn là giải pháp chủ yếu để giảm thiểu tác nhân gây ra biến đổi khí hậu.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Năm 2023, sản lượng thủy sản nước ta là 9,3 triệu tấn. Trong đó tỉ trọng sản lượng khai thác chiếm 40,1%. Hãy cho biết sản lượng thủy sản nuôi trồng năm 2023 là bao nhiêu triệu tấn (làm tròn đến kết quả đến hai chữ số thập phân của đơn vị triệu tấn).

Câu 2. Năm 2023, tổng dân số nước ta là 100,3 triệu người, trong đó dân số nam là 50,0 triệu người. Hãy cho biết tỉ số giới tính của nước ta năm 2023 là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của đơn vị %).

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Diện tích trồng ngô, sản lượng ngô nước ta năm 2020 và năm 2023

Năm	Diện tích (Nghìn ha)	Sản lượng (Nghìn tấn)
2020	942,5	4 558,2
2023	884,6	4 437,2

(Nguồn: <https://www.nso.gov.vn>)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năng suất ngô của nước ta năm 2023 so với năm 2020 tăng thêm bao nhiêu tạ/ha (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của đơn vị tạ/ha).

Câu 4. Biết trên đỉnh núi Rào Cỏ cao 2235m đang có nhiệt độ là 18°C , vậy trong cùng thời điểm đó nhiệt độ ở độ cao 1000m (sườn khuất gió) sẽ là bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của đơn vị $^{\circ}\text{C}$)

Câu 5. Năm 2024, tổng diện tích rừng của nước ta là 14,8 triệu ha. Trong đó, diện tích rừng trồng là 4,7 triệu ha. Hãy cho biết năm 2024, diện tích rừng trồng trong tổng diện tích rừng của nước ta là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của đơn vị %).

Câu 6. Một tàu đánh cá của ngư dân Việt Nam đang tiến hành khai thác hải sản cách đường biên giới quốc gia trên biển của nước ta về phía đông 28 hải lí (biết 1 hải lí = 1852m). Hỏi tàu đánh cá trên cách đường cơ sở nước ta bao nhiêu km? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của đơn vị km).

---HẾT---

(Thí sinh không được sử dụng atlas trong quá trình làm bài, cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.)

ĐỀ THI CHÍNH THỨC
(Đề thi có 04 trang)

Họ và tên:.....
Số báo danh:.....

Mã đề: 0905

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Đông Nam Bộ hiện nay có thế mạnh để

- A. trồng rau vụ đông. B. khai thác than nâu. C. trồng cây cận nhiệt. D. khai thác dầu khí.

Câu 2. Đồng bằng sông Cửu Long có thuận lợi chủ yếu nào sau đây để phát triển cây lúa?

- A. Khí hậu có tính chất cận xích đạo, đất phù sa màu mỡ.
B. Tài nguyên đất đa dạng, nguồn nhiệt ẩm rất dồi dào.
C. Địa hình bằng phẳng, lượng mưa lớn phân hóa theo mùa.
D. Nhiều vùng trũng ngập nước, đất phèn có thể cải tạo được.

Câu 3. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với dân số nước ta?

- A. Dân cư tập trung chủ yếu ở đồng bằng. B. Dân số đông, nhiều thành phần dân tộc.
C. Có quy mô dân số đông và rất ổn định. D. Có sự thay đổi về cơ cấu theo nhóm tuổi.

Câu 4. Du lịch biển đảo ngày càng phát triển mạnh ở Nam Trung Bộ chủ yếu do

- A. trình độ lao động cao, giao thông thuận tiện, mức sống tăng.
B. thời gian khai thác du lịch dài, đẩy mạnh quảng bá hình ảnh.
C. đầu tư cơ sở hạ tầng, nhu cầu lớn, đa dạng hóa sản phẩm du lịch.
D. chất lượng cuộc sống nâng cao, chính sách mới, chi phí rẻ.

Câu 5. Đặc điểm nào sau đây đúng với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ nước ta hiện nay?

- A. Tỷ trọng kinh tế Nhà nước tăng nhanh. B. Tỷ trọng dịch vụ lớn và ngày càng giảm.
C. Hình thành nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất. D. Tỷ trọng ngành thủy sản giảm mạnh.

Câu 6. Ý nào sau đây đúng với vai trò của thành phần kinh tế Nhà nước trong quá trình phát triển kinh tế nước ta?

- A. Là thành phần duy nhất góp phần tăng trưởng kinh tế.
B. Phục vụ lợi ích chủ yếu cho các doanh nghiệp lớn.
C. Nắm giữ các ngành và lĩnh vực kinh tế then chốt.
D. Có vai trò lớn trong thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 7. Vị trí địa lý của Trung du và miền núi phía Bắc **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. giáp Bắc Trung Bộ. B. giáp vịnh Bắc Bộ ở phía đông.
C. tiếp giáp với đồng bằng sông Hồng. D. giáp Trung Quốc ở phía bắc.

Câu 8. Đô thị hóa nước ta tiêu thụ mạnh các sản phẩm hàng hóa chủ yếu do

- A. dân cư tập trung đông, chất lượng sống ngày càng cao.
B. cơ sở hạ tầng khá tốt, giao thương thuận lợi.
C. mật độ dân số cao, thu hút nhiều vốn đầu tư.
D. dịch vụ đa dạng, kinh doanh phát triển.

Câu 9. Nguyên nhân chủ yếu làm tăng thêm tính bất bình đẳng của nông nghiệp nước ta là

- A. địa hình, đất trồng, sông ngòi có sự phân hóa rõ. B. khí hậu phân hóa theo Bắc - Nam và theo độ cao.
C. đất trồng đa dạng và sinh vật rất phong phú. D. thiên nhiên mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.

Câu 10. Nhà máy thủy điện có công suất lớn nhất nước ta hiện nay là

- A. Hòa Bình. B. Yaly. C. Thác Bà. D. Sơn La.

Câu 11. Hiện tượng xói mòn đất thường xảy ra phổ biến nhất ở

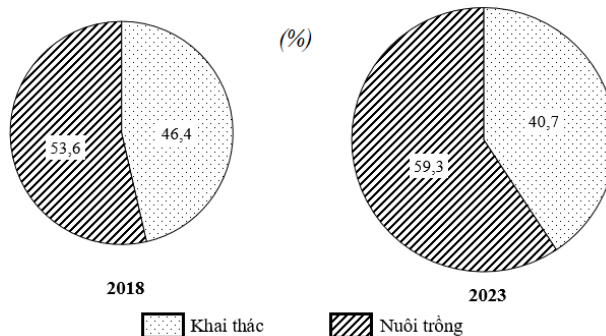
- A. vùng đồi núi. B. vùng đồng bằng. C. các thành phố lớn. D. các làng nghề.

Câu 12. Sản lượng khai thác hải sản ở nước ta tăng nhanh trong thời gian gần đây chủ yếu do tác động của các nhân tố

- A. công nghiệp chế biến, nguồn lợi tự nhiên, lao động.
B. thị trường, lao động dồi dào, công nghiệp chế biến.
C. công nghệ khai thác, thị trường, công nghiệp chế biến.
D. ngư dân có kinh nghiệm, thị trường, nhiều ngư trường.

Câu 13. Cho biểu đồ:

Cơ cấu sản lượng thủy sản khai thác, nuôi trồng ở nước ta năm 2018 và năm 2023



(Nguồn: Tổng cục Thống kê - <https://www.nso.gov.vn/>)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. So với năm 2018, tỉ trọng thủy sản nuôi trồng tăng 7,5%.
B. Sản lượng thủy sản nuôi trồng luôn lớn hơn so với khai thác.
C. Tỉ trọng sản lượng thủy sản khai thác giảm và giảm 12,9% so với năm 2018.
D. Tỉ trọng thủy sản khai thác tăng, thủy sản nuôi trồng giảm.

Câu 14. Khu vực thích hợp cho nuôi trồng thủy sản nước ngọt ở nước ta là

- A. ô trũng đồng bằng. B. các đảo ven bờ. C. rừng ngập mặn. D. các bãi triều rộng.

Câu 15. Các ngành công nghiệp nước ta phân bố nhiều ở

- A. sơn nguyên. B. hải đảo. C. núi cao. D. đồng bằng.

Câu 16. Loại hình dịch vụ nào sau đây mới ra đời ở nước ta?

- A. Thương mại. B. Du lịch. C. Logistics. D. Bưu chính.

Câu 17. Đặc trưng của khí hậu miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

- A. mùa mưa lùi dần về mùa thu – đông. B. chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.
C. phân chia hai mùa mưa, khô sâu sắc. D. gió phơn Tây Nam hoạt động mạnh.

Câu 18. Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây thường gây ngập lụt ở vùng đồng bằng ven biển miền Trung nước ta?

- A. mưa phùn. B. mưa đá. C. mưa tuyết. D. mưa bão.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho bảng số liệu sau:

Cơ cấu lao động có việc làm phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật của nước ta giai đoạn 2010 - 2024

(Đơn vị: %)

Trình độ chuyên môn kỹ thuật	2010	2021	2024
Đã qua đào tạo	14,6	26,2	28,4
Chưa qua đào tạo	85,4	73,8	71,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2012, 2022, 2025)

a) Biểu đồ tròn là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu lao động có việc làm phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật của nước ta năm 2010 và 2024.

b) Tỉ lệ lao động có việc làm đã qua đào tạo năm 2010 lớn hơn tỷ lệ lao động có việc làm chưa qua đào tạo.

- c) Chất lượng lao động ngày càng tăng nhờ thành tựu trong sự phát triển giáo dục, văn hóa, y tế.
d) Tỷ lệ lao động có việc làm đã qua đào tạo năm 2024 gấp hơn 2,5 lần tỷ lệ lao động có việc làm chưa qua đào tạo.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Ngành chăn nuôi lợn của nước ta phát triển nhờ nguồn thức ăn dồi dào, nhu cầu tiêu thụ nội địa cao, lực lượng lao động giàu kinh nghiệm và sự chuyển dịch mạnh mẽ sang chăn nuôi trang trại công nghiệp. Hướng quan trọng phát triển chăn nuôi lợn tại Việt Nam hiện nay là tập trung theo mô hình an toàn sinh học, áp dụng công nghệ cao và xây dựng chuỗi liên kết giá trị từ giống, thức ăn đến giết mổ và tiêu thụ.

- a) Chăn nuôi lợn theo mô hình an toàn sinh học giúp lợn phát triển tốt và hoàn toàn không bị dịch bệnh.
b) Thức ăn công nghiệp đã hoàn toàn thay thế thức ăn thô xanh, phụ phẩm nông nghiệp trong các mô hình chăn nuôi lợn.
c) Nước ta có nhiều thế mạnh để phát triển chăn nuôi lợn.
d) Áp dụng công nghệ cao trong chăn nuôi góp phần kiểm soát dịch bệnh, nâng cao chất lượng sản phẩm và hướng tới phát triển bền vững.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Địa hình khá phức tạp, gồm các dãy núi, cao nguyên badan xếp tầng, đồng bằng châu thổ rộng lớn và đồng bằng nhỏ hẹp ven biển. Khí hậu cận xích đạo gió mùa, phân hóa đa dạng, có mùa khô kéo dài và gay gắt. Cảnh quan thiên nhiên điển hình là đới rừng cận xích đạo gió mùa.

- a) Thành phần loài sinh vật chiếm ưu thế là xích đạo và cận nhiệt, vùng ven biển và cửa sông phát triển rừng ngập mặn và rừng tràm.
b) Khí hậu và cảnh quan thiên nhiên của miền có sự phân hóa theo quy luật phi địa đới.
c) Nội dung trên thể hiện đặc điểm tự nhiên của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.
d) Địa hình của miền đa dạng chủ yếu do tác động tổng hợp của nội lực và các quá trình ngoại lực.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Cửu Long là một trong những vùng kinh tế ở nước ta chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu như: lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, triều cường, nước biển dâng, sạt lở bờ sông, sạt lở các khu vực ven biển và các rủi ro khác liên quan đến biến đổi khí hậu.

- a) Đồng bằng sông Cửu Long có ba mặt giáp biển, địa hình thấp nhất nước ta, có nhiều cửa sông đổ ra biển.
b) Một trong những mục tiêu để phát triển kinh tế, ứng phó với biến đổi khí hậu của vùng là phát triển các mô hình sinh kế thông minh, nâng cao hiểu biết của người dân, thay đổi tập quán sản xuất.
c) Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích, sản lượng lúa chiếm trên 50%, năng suất lúa cả năm luôn cao hơn trung bình cả nước.
d) Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp trong vùng, sử dụng các loại cây trồng, vật nuôi thích ứng với hạn hán, chịu được ngập và xâm nhập mặn là giải pháp chủ yếu để giảm thiểu tác nhân gây ra biến đổi khí hậu.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Năm 2023, sản lượng thủy sản nước ta là 9,3 triệu tấn. Trong đó tỉ trọng sản lượng khai thác chiếm 40,1%. Hãy cho biết sản lượng thủy sản nuôi trồng năm 2023 là bao nhiêu triệu tấn (làm tròn đến kết quả đến hai chữ số thập phân của đơn vị triệu tấn).

Câu 2. Năm 2023, tổng dân số nước ta là 100,3 triệu người, trong đó dân số nam là 50,0 triệu người. Hãy cho biết tỉ số giới tính của nước ta năm 2023 là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của đơn vị %).

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Diện tích trồng ngô, sản lượng ngô nước ta năm 2020 và năm 2023

Năm	Diện tích (Nghìn ha)	Sản lượng (Nghìn tấn)
2020	942,5	4 558,2
2023	884,6	4 437,2

(Nguồn: <https://www.nso.gov.vn>)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năng suất ngô của nước ta năm 2023 so với năm 2020 tăng thêm bao nhiêu tạ/ha (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của đơn vị tạ/ha).

Câu 4. Một tàu đánh cá của ngư dân Việt Nam đang tiến hành khai thác hải sản cách đường biên giới quốc gia trên biển của nước ta về phía đông 28 hải lí (biết 1 hải lí = 1852m). Hỏi tàu đánh cá trên cách đường cơ sở nước ta bao nhiêu km? *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của đơn vị km).*

Câu 5. Biết trên đỉnh núi Rào Cỏ cao 2235m đang có nhiệt độ là 18°C , vậy trong cùng thời điểm đó nhiệt độ ở độ cao 1000m (sườn khuất gió) sẽ là bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$? *(làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của đơn vị $^{\circ}\text{C}$)*

Câu 6. Năm 2024, tổng diện tích rừng của nước ta là 14,8 triệu ha. Trong đó, diện tích rừng trồng là 4,7 triệu ha. Hãy cho biết năm 2024, diện tích rừng trồng trong tổng diện tích rừng của nước ta là bao nhiêu phần trăm *(làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của đơn vị %)*.

----**HẾT**----

(Thí sinh không được sử dụng atlas trong quá trình làm bài, cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.)

ĐỀ THI CHÍNH THỨC
(Đề thi có 04 trang)

Họ và tên:.....
Số báo danh:.....

Mã đề: 0906

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Hiện tượng xói mòn đất thường xảy ra phổ biến nhất ở

- A. các thành phố lớn. B. vùng đồi núi. C. các làng nghề. D. vùng đồng bằng.

Câu 2. Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây thường gây ngập lụt ở vùng đồng bằng ven biển miền Trung nước ta?

- A. mưa tuyết. B. mưa bão. C. mưa phùn. D. mưa đá.

Câu 3. Đông Nam Bộ hiện nay có thế mạnh để

- A. trồng rau vụ đông. B. khai thác than nâu. C. trồng cây cận nhiệt. D. khai thác dầu khí.

Câu 4. Loại hình dịch vụ nào sau đây mới ra đời ở nước ta?

- A. Logistics. B. Bru chính. C. Du lịch. D. Thương mại.

Câu 5. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với dân số nước ta?

- A. Có sự thay đổi về cơ cấu theo nhóm tuổi. B. Dân cư tập trung chủ yếu ở đồng bằng.
C. Có quy mô dân số đông và rất ổn định. D. Dân số đông, nhiều thành phần dân tộc.

Câu 6. Khu vực thích hợp cho nuôi trồng thủy sản nước ngọt ở nước ta là

- A. các đảo ven bờ. B. rừng ngập mặn. C. ô trũng đồng bằng. D. các bãi triều rộng.

Câu 7. Sản lượng khai thác hải sản ở nước ta tăng nhanh trong thời gian gần đây chủ yếu do tác động của các nhân tố

- A. thị trường, lao động dồi dào, công nghiệp chế biến.
B. ngư dân có kinh nghiệm, thị trường, nhiều ngư trường.
C. công nghệ khai thác, thị trường, công nghiệp chế biến.
D. công nghiệp chế biến, nguồn lợi tự nhiên, lao động.

Câu 8. Các ngành công nghiệp nước ta phân bố nhiều ở

- A. hải đảo. B. sơn nguyên. C. núi cao. D. đồng bằng.

Câu 9. Nguyên nhân chủ yếu làm tăng thêm tính bất bình của nông nghiệp nước ta là

- A. khí hậu phân hóa theo Bắc - Nam và theo độ cao. B. đất trồng đa dạng và sinh vật rất phong phú.
C. thiên nhiên mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa. D. địa hình, đất trồng, sông ngòi có sự phân hóa rõ.

Câu 10. Đặc trưng của khí hậu miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

- A. phân chia hai mùa mưa, khô sâu sắc. B. gió phơn Tây Nam hoạt động mạnh.
C. chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc. D. mùa mưa lùi dần về mùa thu – đông.

Câu 11. Đô thị hóa nước ta tiêu thụ mạnh các sản phẩm hàng hóa chủ yếu do

- A. mật độ dân số cao, thu hút nhiều vốn đầu tư.
B. dân cư tập trung đông, chất lượng sống ngày càng cao.
C. cơ sở hạ tầng khá tốt, giao thương thuận lợi.
D. dịch vụ đa dạng, kinh doanh phát triển.

Câu 12. Đặc điểm nào sau đây đúng với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ nước ta hiện nay?

- A. Hình thành nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất. B. Tỷ trọng dịch vụ lớn và ngày càng giảm.
C. Tỷ trọng kinh tế Nhà nước tăng nhanh. D. Tỷ trọng ngành thủy sản giảm mạnh.

Câu 13. Vị trí địa lí của Trung du và miền núi phía Bắc **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. giáp Bắc Trung Bộ.
- B. giáp vịnh Bắc Bộ ở phía đông.
- C. tiếp giáp với đồng bằng sông Hồng.
- D. giáp Trung Quốc ở phía bắc.

Câu 14. Du lịch biển đảo ngày càng phát triển mạnh ở Nam Trung Bộ chủ yếu do

- A. trình độ lao động cao, giao thông thuận tiện, mức sống tăng.
- B. đầu tư cơ sở hạ tầng, nhu cầu lớn, đa dạng hóa sản phẩm du lịch.
- C. thời gian khai thác du lịch dài, đẩy mạnh quảng bá hình ảnh.
- D. chất lượng cuộc sống nâng cao, chính sách mới, chi phí rẻ.

Câu 15. Nhà máy thủy điện có công suất lớn nhất nước ta hiện nay là

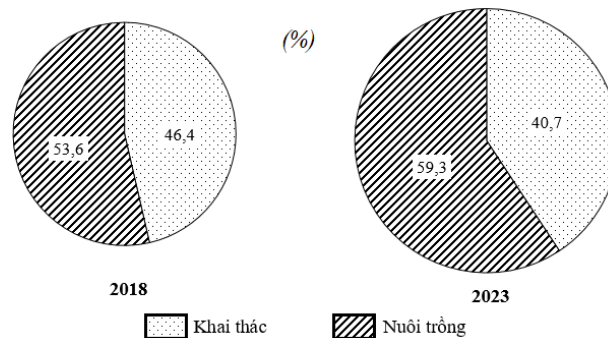
- A. Thác Bà.
- B. Sơn La.
- C. Yaly.
- D. Hòa Bình.

Câu 16. Ý nào sau đây đúng với vai trò của thành phần kinh tế Nhà nước trong quá trình phát triển kinh tế nước ta?

- A. Phục vụ lợi ích chủ yếu cho các doanh nghiệp lớn.
- B. Nắm giữ các ngành và lĩnh vực kinh tế then chốt.
- C. Là thành phần duy nhất góp phần tăng trưởng kinh tế.
- D. Có vai trò lớn trong thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 17. Cho biểu đồ:

Cơ cấu sản lượng thủy sản khai thác, nuôi trồng ở nước ta năm 2018 và năm 2023



(Nguồn: Tổng cục Thống kê - <https://www.nso.gov.vn/>)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. So với năm 2018, tỉ trọng thủy sản nuôi trồng tăng 7,5%.
- B. Sản lượng thủy sản nuôi trồng luôn lớn hơn so với khai thác.
- C. Tỉ trọng thủy sản khai thác tăng, thủy sản nuôi trồng giảm.
- D. Tỉ trọng sản lượng thủy sản khai thác giảm và giảm 12,9% so với năm 2018.

Câu 18. Đồng bằng sông Cửu Long có thuận lợi chủ yếu nào sau đây để phát triển cây lúa?

- A. Nhiều vùng trũng ngập nước, đất phèn có thể cải tạo được.
- B. Khí hậu có tính chất cận xích đạo, đất phù sa màu mỡ.
- C. Tài nguyên đất đa dạng, nguồn nhiệt ẩm rất dồi dào.
- D. Địa hình bằng phẳng, lượng mưa lớn phân hóa theo mùa.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Cửu Long là một trong những vùng kinh tế ở nước ta chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu như: lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, triều cường, nước biển dâng, sạt lở bờ sông, sạt lở các khu vực ven biển và các rủi ro khác liên quan đến biến đổi khí hậu.

- a) Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp trong vùng, sử dụng các loại cây trồng, vật nuôi thích ứng với hạn hán, chịu được ngập và xâm nhập mặn là giải pháp chủ yếu để giảm thiểu tác nhân gây ra biến đổi khí hậu.
- b) Một trong những mục tiêu để phát triển kinh tế, ứng phó với biến đổi khí hậu của vùng là phát triển các mô hình sinh kế thông minh, nâng cao hiểu biết của người dân, thay đổi tập quán sản xuất.
- c) Đồng bằng sông Cửu Long có ba mặt giáp biển, địa hình thấp nhất nước ta, có nhiều cửa sông đổ ra biển.

d) Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích, sản lượng lúa chiếm trên 50%, năng suất lúa cả năm luôn cao hơn trung bình cả nước.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Ngành chăn nuôi lợn của nước ta phát triển nhờ nguồn thức ăn dồi dào, nhu cầu tiêu thụ nội địa cao, lực lượng lao động giàu kinh nghiệm và sự chuyển dịch mạnh mẽ sang chăn nuôi trang trại công nghiệp. Hướng quan trọng phát triển chăn nuôi lợn tại Việt Nam hiện nay là tập trung theo mô hình an toàn sinh học, áp dụng công nghệ cao và xây dựng chuỗi liên kết giá trị từ giống, thức ăn đến giết mổ và tiêu thụ.

- a)** Áp dụng công nghệ cao trong chăn nuôi góp phần kiểm soát dịch bệnh, nâng cao chất lượng sản phẩm và hướng tới phát triển bền vững.
- b)** Nước ta có nhiều thế mạnh để phát triển chăn nuôi lợn.
- c)** Chăn nuôi lợn theo mô hình an toàn sinh học giúp lợn phát triển tốt và hoàn toàn không bị dịch bệnh.
- d)** Thức ăn công nghiệp đã hoàn toàn thay thế thức ăn thô xanh, phụ phẩm nông nghiệp trong các mô hình chăn nuôi lợn.

Câu 3. Cho bảng số liệu sau:

Cơ cấu lao động có việc làm phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật của nước ta giai đoạn 2010 - 2024
(Đơn vị: %)

Trình độ chuyên môn kỹ thuật	2010	2021	2024
Đã qua đào tạo	14,6	26,2	28,4
Chưa qua đào tạo	85,4	73,8	71,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2012, 2022, 2025)

- a)** Tỷ lệ lao động có việc làm đã qua đào tạo năm 2010 lớn hơn tỷ lệ lao động có việc làm chưa qua đào tạo.
- b)** Chất lượng lao động ngày càng tăng nhờ thành tựu trong sự phát triển giáo dục, văn hóa, y tế.
- c)** Biểu đồ tròn là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu lao động có việc làm phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật của nước ta năm 2010 và 2024.
- d)** Tỷ lệ lao động có việc làm đã qua đào tạo năm 2024 gấp hơn 2,5 lần tỷ lệ lao động có việc làm chưa qua đào tạo.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Địa hình khá phức tạp, gồm các dãy núi, cao nguyên badan xếp tầng, đồng bằng châu thổ rộng lớn và đồng bằng nhỏ hẹp ven biển. Khí hậu cận xích đạo gió mùa, phân hóa đa dạng, có mùa khô kéo dài và gay gắt. Cảnh quan thiên nhiên điển hình là đới rừng cận xích đạo gió mùa.

- a)** Thành phần loài sinh vật chiếm ưu thế là xích đạo và cận nhiệt, vùng ven biển và cửa sông phát triển rừng ngập mặn và rừng tràm.
- b)** Khí hậu và cảnh quan thiên nhiên của miền có sự phân hóa theo quy luật phi địa đới.
- c)** Địa hình của miền đa dạng chủ yếu do tác động tổng hợp của nội lực và các quá trình ngoại lực.
- d)** Nội dung trên thể hiện đặc điểm tự nhiên của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Năm 2024, tổng diện tích rừng của nước ta là 14,8 triệu ha. Trong đó, diện tích rừng trồng là 4,7 triệu ha. Hãy cho biết năm 2024, diện tích rừng trồng trong tổng diện tích rừng của nước ta là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của đơn vị %).

Câu 2. Năm 2023, sản lượng thủy sản nước ta là 9,3 triệu tấn. Trong đó tỉ trọng sản lượng khai thác chiếm 40,1%. Hãy cho biết sản lượng thủy sản nuôi trồng năm 2023 là bao nhiêu triệu tấn (làm tròn đến kết quả đến hai chữ số thập phân của đơn vị triệu tấn).

Câu 3. Biết trên đỉnh núi Rào Cỏ cao 2235m đang có nhiệt độ là 18°C, vậy trong cùng thời điểm đó nhiệt độ ở độ cao 1000m (sườn khuất gió) sẽ là bao nhiêu °C? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của đơn vị °C)

Câu 4. Một tàu đánh cá của ngư dân Việt Nam đang tiến hành khai thác hải sản cách đường biên giới quốc gia trên biển của nước ta về phía đông 28 hải lý (biết 1 hải lý = 1852m). Hỏi tàu đánh cá trên cách đường cơ sở nước ta bao nhiêu km? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của đơn vị km).

Câu 5. Cho bảng số liệu:

Diện tích trồng ngô, sản lượng ngô nước ta năm 2020 và năm 2023

Năm	Diện tích (Nghìn ha)	Sản lượng (Nghìn tấn)
2020	942,5	4 558,2
2023	884,6	4 437,2

(Nguồn: <https://www.nso.gov.vn>)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năng suất ngô của nước ta năm 2023 so với năm 2020 tăng thêm bao nhiêu tạ/ha (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của đơn vị tạ/ha).

Câu 6. Năm 2023, tổng dân số nước ta là 100,3 triệu người, trong đó dân số nam là 50,0 triệu người. Hãy cho biết tỉ số giới tính của nước ta năm 2023 là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của đơn vị %).

---HẾT---

(Thí sinh không được sử dụng atlas trong quá trình làm bài, cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.)

ĐỀ THI CHÍNH THỨC
(Đề thi có 04 trang)

Họ và tên:.....
Số báo danh:.....

Mã đề: 0907

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Khu vực thích hợp cho nuôi trồng thủy sản nước ngọt ở nước ta là

- A. rừng ngập mặn. B. các đảo ven bờ. C. ô trũng đồng bằng. D. các bãi triều rộng.

Câu 2. Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây thường gây ngập lụt ở vùng đồng bằng ven biển miền Trung nước ta?

- A. mưa phùn. B. mưa đá. C. mưa tuyết. D. mưa bão.

Câu 3. Ý nào sau đây đúng với vai trò của thành phần kinh tế Nhà nước trong quá trình phát triển kinh tế nước ta?

- A. Có vai trò lớn trong thu hút vốn đầu tư nước ngoài.
B. Là thành phần duy nhất góp phần tăng trưởng kinh tế.
C. nắm giữ các ngành và lĩnh vực kinh tế then chốt.
D. Phục vụ lợi ích chủ yếu cho các doanh nghiệp lớn.

Câu 4. Đặc điểm nào sau đây đúng với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ nước ta hiện nay?

- A. Hình thành nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất. B. Tỷ trọng kinh tế Nhà nước tăng nhanh.
C. Tỷ trọng ngành thủy sản giảm mạnh. D. Tỷ trọng dịch vụ lớn và ngày càng giảm.

Câu 5. Nguyên nhân chủ yếu làm tăng thêm tính bất bình đẳng của nông nghiệp nước ta là

- A. khí hậu phân hóa theo Bắc - Nam và theo độ cao. B. địa hình, đất trồng, sông ngòi có sự phân hóa rõ.
C. đất trồng đa dạng và sinh vật rất phong phú. D. thiên nhiên mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.

Câu 6. Hiện tượng xói mòn đất thường xảy ra phổ biến nhất ở

- A. các thành phố lớn. B. vùng đồng bằng. C. vùng đồi núi. D. các làng nghề.

Câu 7. Các ngành công nghiệp nước ta phân bố nhiều ở

- A. hải đảo. B. sơn nguyên. C. đồng bằng. D. núi cao.

Câu 8. Đặc trưng của khí hậu miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

- A. phân chia hai mùa mưa, khô sâu sắc. B. chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.
C. gió phơn Tây Nam hoạt động mạnh. D. mùa mưa lùi dần về mùa thu – đông.

Câu 9. Sản lượng khai thác hải sản ở nước ta tăng nhanh trong thời gian gần đây chủ yếu do tác động của các nhân tố

- A. ngư dân có kinh nghiệm, thị trường, nhiều ngư trường.
B. công nghệ khai thác, thị trường, công nghiệp chế biến.
C. công nghiệp chế biến, nguồn lợi tự nhiên, lao động.
D. thị trường, lao động dồi dào, công nghiệp chế biến.

Câu 10. Loại hình dịch vụ nào sau đây mới ra đời ở nước ta?

- A. Du lịch. B. Bưu chính. C. Thương mại. D. Logistics.

Câu 11. Nhà máy thủy điện có công suất lớn nhất nước ta hiện nay là

- A. Thác Bà. B. Yaly. C. Hòa Bình. D. Sơn La.

Câu 12. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với dân số nước ta?

- A. Có quy mô dân số đông và rất ổn định. B. Dân cư tập trung chủ yếu ở đồng bằng.
C. Có sự thay đổi về cơ cấu theo nhóm tuổi. D. Dân số đông, nhiều thành phần dân tộc.

Câu 13. Du lịch biển đảo ngày càng phát triển mạnh ở Nam Trung Bộ chủ yếu do

- A. chất lượng cuộc sống nâng cao, chính sách mới, chi phí rẻ.
- B. đầu tư cơ sở hạ tầng, nhu cầu lớn, đa dạng hóa sản phẩm du lịch.
- C. trình độ lao động cao, giao thông thuận tiện, mức sống tăng.
- D. thời gian khai thác du lịch dài, đẩy mạnh quảng bá hình ảnh.

Câu 14. Đồng bằng sông Cửu Long có thuận lợi chủ yếu nào sau đây để phát triển cây lúa?

- A. Tài nguyên đất đa dạng, nguồn nhiệt ẩm rất dồi dào.
- B. Địa hình bằng phẳng, lượng mưa lớn phân hóa theo mùa.
- C. Khí hậu có tính chất cận xích đạo, đất phù sa màu mỡ.
- D. Nhiều vùng trũng ngập nước, đất phèn có thể cải tạo được.

Câu 15. Vị trí địa lí của Trung du và miền núi phía Bắc **không** có đặc điểm nào sau đây?

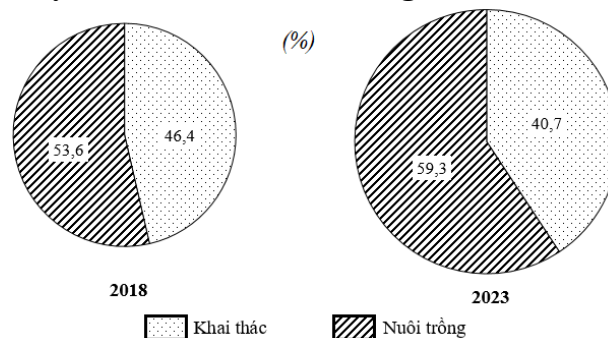
- A. giáp Trung Quốc ở phía bắc.
- B. giáp Bắc Trung Bộ.
- C. giáp vịnh Bắc Bộ ở phía đông.
- D. tiếp giáp với đồng bằng sông Hồng.

Câu 16. Đô thị hóa nước ta tiêu thụ mạnh các sản phẩm hàng hóa chủ yếu do

- A. cơ sở hạ tầng khá tốt, giao thương thuận lợi.
- B. dịch vụ đa dạng, kinh doanh phát triển.
- C. dân cư tập trung đông, chất lượng sống ngày càng cao.
- D. mật độ dân số cao, thu hút nhiều vốn đầu tư.

Câu 17. Cho biểu đồ:

Cơ cấu sản lượng thủy sản khai thác, nuôi trồng ở nước ta năm 2018 và năm 2023



(Nguồn: Tổng cục Thống kê - <https://www.nso.gov.vn/>)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Sản lượng thủy sản nuôi trồng luôn lớn hơn so với khai thác.
- B. Tỷ trọng sản lượng thủy sản khai thác giảm và giảm 12,9% so với năm 2018.
- C. So với năm 2018, tỷ trọng thủy sản nuôi trồng tăng 7,5%.
- D. Tỷ trọng thủy sản khai thác tăng, thủy sản nuôi trồng giảm.

Câu 18. Đông Nam Bộ hiện nay có thể mạnh để

- A. khai thác than nâu.
- B. trồng cây cận nhiệt.
- C. khai thác dầu khí.
- D. trồng rau vụ đông.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Cửu Long là một trong những vùng kinh tế ở nước ta chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu như: lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, triều cường, nước biển dâng, sạt lở bờ sông, sạt lở các khu vực ven biển và các rủi ro khác liên quan đến biến đổi khí hậu.

- a) Đồng bằng sông Cửu Long có ba mặt giáp biển, địa hình thấp nhất nước ta, có nhiều cửa sông đổ ra biển.
- b) Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích, sản lượng lúa chiếm trên 50%, năng suất lúa cả năm luôn cao hơn trung bình cả nước.
- c) Một trong những mục tiêu để phát triển kinh tế, ứng phó với biến đổi khí hậu của vùng là phát triển các mô hình sinh kế thông minh, nâng cao hiểu biết của người dân, thay đổi tập quán sản xuất.
- d) Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp trong vùng, sử dụng các loại cây trồng, vật nuôi thích ứng với hạn hán, chịu được ngập và xâm nhập mặn là giải pháp chủ yếu để giảm thiểu tác nhân gây ra biến đổi khí hậu.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Địa hình khá phức tạp, gồm các dãy núi, cao nguyên badan xếp tầng, đồng bằng châu thổ rộng lớn và đồng bằng nhỏ hẹp ven biển. Khí hậu cận xích đạo gió mùa, phân hóa đa dạng, có mùa khô kéo dài và gay gắt. Cảnh quan thiên nhiên điển hình là đới rừng cận xích đạo gió mùa.

- a) Nội dung trên thể hiện đặc điểm tự nhiên của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.
- b) Địa hình của miền đa dạng chủ yếu do tác động tổng hợp của nội lực và các quá trình ngoại lực.
- c) Khí hậu và cảnh quan thiên nhiên của miền có sự phân hóa theo quy luật phi địa đới.
- d) Thành phần loài sinh vật chiếm ưu thế là xích đạo và cận nhiệt, vùng ven biển và cửa sông phát triển rừng ngập mặn và rừng tràm.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Ngành chăn nuôi lợn của nước ta phát triển nhờ nguồn thức ăn dồi dào, nhu cầu tiêu thụ nội địa cao, lực lượng lao động giàu kinh nghiệm và sự chuyển dịch mạnh mẽ sang chăn nuôi trang trại công nghiệp. Hướng quan trọng phát triển chăn nuôi lợn tại Việt Nam hiện nay là tập trung theo mô hình an toàn sinh học, áp dụng công nghệ cao và xây dựng chuỗi liên kết giá trị từ giống, thức ăn đến giết mổ và tiêu thụ.

- a) Nước ta có nhiều thế mạnh để phát triển chăn nuôi lợn.
- b) Áp dụng công nghệ cao trong chăn nuôi góp phần kiểm soát dịch bệnh, nâng cao chất lượng sản phẩm và hướng tới phát triển bền vững.
- c) Thức ăn công nghiệp đã hoàn toàn thay thế thức ăn thô xanh, phụ phẩm nông nghiệp trong các mô hình chăn nuôi lợn.
- d) Chăn nuôi lợn theo mô hình an toàn sinh học giúp lợn phát triển tốt và hoàn toàn không bị dịch bệnh.

Câu 4. Cho bảng số liệu sau:

Cơ cấu lao động có việc làm phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật của nước ta giai đoạn 2010 - 2024

(Đơn vị: %)

Trình độ chuyên môn kỹ thuật	2010	2021	2024
Đã qua đào tạo	14,6	26,2	28,4
Chưa qua đào tạo	85,4	73,8	71,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2012, 2022, 2025)

- a) Chất lượng lao động ngày càng tăng nhờ thành tựu trong sự phát triển giáo dục, văn hóa, y tế.
- b) Tỷ lệ lao động có việc làm đã qua đào tạo năm 2024 gấp hơn 2,5 lần tỷ lệ lao động có việc làm chưa qua đào tạo.
- c) Tỷ lệ lao động có việc làm đã qua đào tạo năm 2010 lớn hơn tỷ lệ lao động có việc làm chưa qua đào tạo.
- d) Biểu đồ tròn là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu lao động có việc làm phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật của nước ta năm 2010 và 2024.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Diện tích trồng ngô, sản lượng ngô nước ta năm 2020 và năm 2023

Năm	Diện tích (Nghìn ha)	Sản lượng (Nghìn tấn)
2020	942,5	4 558,2
2023	884,6	4 437,2

(Nguồn: <https://www.nso.gov.vn>)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năng suất ngô của nước ta năm 2023 so với năm 2020 tăng thêm bao nhiêu tạ/ha (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của đơn vị tạ/ha).

Câu 2. Năm 2024, tổng diện tích rừng của nước ta là 14,8 triệu ha. Trong đó, diện tích rừng trồng là 4,7 triệu ha. Hãy cho biết năm 2024, diện tích rừng trồng trong tổng diện tích rừng của nước ta là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của đơn vị %).

Câu 3. Năm 2023, tổng dân số nước ta là 100,3 triệu người, trong đó dân số nam là 50,0 triệu người. Hãy cho biết tỉ số giới tính của nước ta năm 2023 là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của đơn vị %).

Câu 4. Một tàu đánh cá của ngư dân Việt Nam đang tiến hành khai thác hải sản cách đường biên giới quốc gia trên biển của nước ta về phía đông 28 hải lí (biết 1 hải lí = 1852m). Hỏi tàu đánh cá trên cách đường cơ sở nước ta bao nhiêu km? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của đơn vị km).

Câu 5. Năm 2023, sản lượng thủy sản nước ta là 9,3 triệu tấn. Trong đó tỉ trọng sản lượng khai thác chiếm 40,1%. Hãy cho biết sản lượng thủy sản nuôi trồng năm 2023 là bao nhiêu triệu tấn (làm tròn đến kết quả đến hai chữ số thập phân của đơn vị triệu tấn).

Câu 6. Biết trên đỉnh núi Rào Cỏ cao 2235m đang có nhiệt độ là 18°C, vậy trong cùng thời điểm đó nhiệt độ ở độ cao 1000m (sườn khuất gió) sẽ là bao nhiêu °C? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của đơn vị °C)

----HẾT---

(Thí sinh không được sử dụng atlas trong quá trình làm bài, cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.)

ĐỀ THI CHÍNH THỨC
(Đề thi có 04 trang)

Họ và tên:.....
Số báo danh:.....

Mã đề: 0908

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Du lịch biển đảo ngày càng phát triển mạnh ở Nam Trung Bộ chủ yếu do

- A. trình độ lao động cao, giao thông thuận tiện, mức sống tăng.
- B. chất lượng cuộc sống nâng cao, chính sách mới, chi phí rẻ.
- C. đầu tư cơ sở hạ tầng, nhu cầu lớn, đa dạng hóa sản phẩm du lịch.
- D. thời gian khai thác du lịch dài, đẩy mạnh quảng bá hình ảnh.

Câu 2. Loại hình dịch vụ nào sau đây mới ra đời ở nước ta?

- A. Logistics.
- B. Du lịch.
- C. Thương mại.
- D. Bưu chính.

Câu 3. Hiện tượng xói mòn đất thường xảy ra phổ biến nhất ở

- A. vùng đồi núi.
- B. các thành phố lớn.
- C. các làng nghề.
- D. vùng đồng bằng.

Câu 4. Ý nào sau đây đúng với vai trò của thành phần kinh tế Nhà nước trong quá trình phát triển kinh tế nước ta?

- A. Phục vụ lợi ích chủ yếu cho các doanh nghiệp lớn.
- B. Nắm giữ các ngành và lĩnh vực kinh tế then chốt.
- C. Có vai trò lớn trong thu hút vốn đầu tư nước ngoài.
- D. Là thành phần duy nhất góp phần tăng trưởng kinh tế.

Câu 5. Đô thị hóa nước ta tiêu thụ mạnh các sản phẩm hàng hóa chủ yếu do

- A. mật độ dân số cao, thu hút nhiều vốn đầu tư.
- B. dân cư tập trung đông, chất lượng sống ngày càng cao.
- C. cơ sở hạ tầng khá tốt, giao thương thuận lợi.
- D. dịch vụ đa dạng, kinh doanh phát triển.

Câu 6. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với dân số nước ta?

- A. Dân cư tập trung chủ yếu ở đồng bằng.
- B. Dân số đông, nhiều thành phần dân tộc.
- C. Có quy mô dân số đông và rất ổn định.
- D. Có sự thay đổi về cơ cấu theo nhóm tuổi.

Câu 7. Khu vực thích hợp cho nuôi trồng thủy sản nước ngọt ở nước ta là

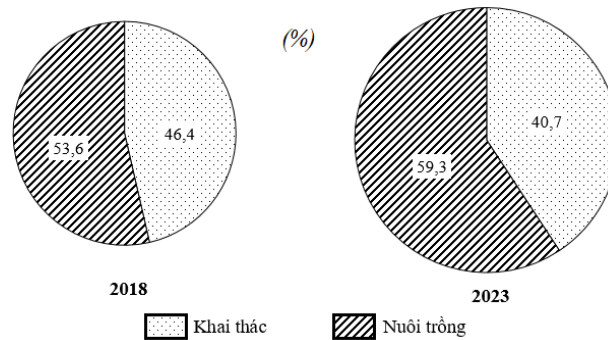
- A. các đảo ven bờ.
- B. ô trũng đồng bằng.
- C. các bãi triều rộng.
- D. rừng ngập mặn.

Câu 8. Đặc điểm nào sau đây đúng với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ nước ta hiện nay?

- A. Tỷ trọng dịch vụ lớn và ngày càng giảm.
- B. Hình thành nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất.
- C. Tỷ trọng ngành thủy sản giảm mạnh.
- D. Tỷ trọng kinh tế Nhà nước tăng nhanh.

Câu 9. Cho biểu đồ:

Cơ cấu sản lượng thủy sản khai thác, nuôi trồng ở nước ta năm 2018 và năm 2023



(Nguồn: Tổng cục Thống kê - <https://www.nso.gov.vn/>)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. So với năm 2018, tỉ trọng thủy sản nuôi trồng tăng 7,5%.
- B. Tỉ trọng thủy sản khai thác tăng, thủy sản nuôi trồng giảm.
- C. Sản lượng thủy sản nuôi trồng luôn lớn hơn so với khai thác.
- D. Tỉ trọng sản lượng thủy sản khai thác giảm và giảm 12,9% so với năm 2018.

Câu 10. Đồng bằng sông Cửu Long có thuận lợi chủ yếu nào sau đây để phát triển cây lúa?

- A. Nhiều vùng trũng ngập nước, đất phèn có thể cải tạo được.
- B. Địa hình bằng phẳng, lượng mưa lớn phân hóa theo mùa.
- C. Tài nguyên đất đa dạng, nguồn nhiệt ẩm rất dồi dào.
- D. Khí hậu có tính chất cận xích đạo, đất phù sa màu mỡ.

Câu 11. Các ngành công nghiệp nước ta phân bố nhiều ở

- A. núi cao.
- B. sơn nguyên.
- C. hải đảo.
- D. đồng bằng.

Câu 12. Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây thường gây ngập lụt ở vùng đồng bằng ven biển miền Trung nước ta?

- A. mưa bão.
- B. mưa đá.
- C. mưa phùn.
- D. mưa tuyết.

Câu 13. Đặc trưng của khí hậu miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

- A. gió phơn Tây Nam hoạt động mạnh.
- B. mùa mưa lùi dần về mùa thu – đông.
- C. phân chia hai mùa mưa, khô sâu sắc.
- D. chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.

Câu 14. Đông Nam Bộ hiện nay có thế mạnh để

- A. khai thác than nâu.
- B. trồng cây cận nhiệt.
- C. trồng rau vụ đông.
- D. khai thác dầu khí.

Câu 15. Nhà máy thủy điện có công suất lớn nhất nước ta hiện nay là

- A. Hòa Bình.
- B. Sơn La.
- C. Yaly.
- D. Thác Bà.

Câu 16. Sản lượng khai thác hải sản ở nước ta tăng nhanh trong thời gian gần đây chủ yếu do tác động của các nhân tố

- A. công nghiệp chế biến, nguồn lợi tự nhiên, lao động.
- B. công nghệ khai thác, thị trường, công nghiệp chế biến.
- C. thị trường, lao động dồi dào, công nghiệp chế biến.
- D. ngư dân có kinh nghiệm, thị trường, nhiều ngư trường.

Câu 17. Vị trí địa lí của Trung du và miền núi phía Bắc **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. giáp Bắc Trung Bộ.
- B. giáp Trung Quốc ở phía bắc.
- C. giáp vịnh Bắc Bộ ở phía đông.
- D. tiếp giáp với đồng bằng sông Hồng.

Câu 18. Nguyên nhân chủ yếu làm tăng thêm tính bất bình của nông nghiệp nước ta là

- A. địa hình, đất trồng, sông ngòi có sự phân hóa rõ.
- B. thiên nhiên mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.
- C. khí hậu phân hóa theo Bắc - Nam và theo độ cao.
- D. đất trồng đa dạng và sinh vật rất phong phú.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Cửu Long là một trong những vùng kinh tế ở nước ta chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu như: lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, triều cường, nước biển dâng, sạt lở bờ sông, sạt lở các khu vực ven biển và các rủi ro khác liên quan đến biến đổi khí hậu.

- a) Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp trong vùng, sử dụng các loại cây trồng, vật nuôi thích ứng với hạn hán, chịu được ngập và xâm nhập mặn là giải pháp chủ yếu để giảm thiểu tác nhân gây ra biến đổi khí hậu.
- b) Một trong những mục tiêu để phát triển kinh tế, ứng phó với biến đổi khí hậu của vùng là phát triển các mô hình sinh kế thông minh, nâng cao hiểu biết của người dân, thay đổi tập quán sản xuất.
- c) Đồng bằng sông Cửu Long có ba mặt giáp biển, địa hình thấp nhất nước ta, có nhiều cửa sông đổ ra biển.
- d) Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích, sản lượng lúa chiếm trên 50%, năng suất lúa cả năm luôn cao hơn trung bình cả nước.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Ngành chăn nuôi lợn của nước ta phát triển nhờ nguồn thức ăn dồi dào, nhu cầu tiêu thụ nội địa cao, lực lượng lao động giàu kinh nghiệm và sự chuyển dịch mạnh mẽ sang chăn nuôi trang trại công nghiệp. Hướng quan trọng phát triển chăn nuôi lợn tại Việt Nam hiện nay là tập trung theo mô hình an toàn sinh học, áp dụng công nghệ cao và xây dựng chuỗi liên kết giá trị từ giống, thức ăn đến giết mổ và tiêu thụ.

- a) Chăn nuôi lợn theo mô hình an toàn sinh học giúp lợn phát triển tốt và hoàn toàn không bị dịch bệnh.
- b) Thức ăn công nghiệp đã hoàn toàn thay thế thức ăn thô xanh, phụ phẩm nông nghiệp trong các mô hình chăn nuôi lợn.
- c) Áp dụng công nghệ cao trong chăn nuôi góp phần kiểm soát dịch bệnh, nâng cao chất lượng sản phẩm và hướng tới phát triển bền vững.
- d) Nước ta có nhiều thế mạnh để phát triển chăn nuôi lợn.

Câu 3. Cho bảng số liệu sau:

Cơ cấu lao động có việc làm phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật của nước ta giai đoạn 2010 - 2024

(Đơn vị: %)

Trình độ chuyên môn kỹ thuật	2010	2021	2024
Đã qua đào tạo	14,6	26,2	28,4
Chưa qua đào tạo	85,4	73,8	71,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2012, 2022, 2025)

- a) Tỷ lệ lao động có việc làm đã qua đào tạo năm 2024 gấp hơn 2,5 lần tỷ lệ lao động có việc làm chưa qua đào tạo.
- b) Chất lượng lao động ngày càng tăng nhờ thành tựu trong sự phát triển giáo dục, văn hóa, y tế.
- c) Biểu đồ tròn là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu lao động có việc làm phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật của nước ta năm 2010 và 2024.
- d) Tỷ lệ lao động có việc làm đã qua đào tạo năm 2010 lớn hơn tỷ lệ lao động có việc làm chưa qua đào tạo.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Địa hình khá phức tạp, gồm các dãy núi, cao nguyên badan xếp tầng, đồng bằng châu thổ rộng lớn và đồng bằng nhỏ hẹp ven biển. Khí hậu cận xích đạo gió mùa, phân hóa đa dạng, có mùa khô kéo dài và gay gắt. Cảnh quan thiên nhiên điển hình là đới rừng cận xích đạo gió mùa.

- a) Địa hình của miền đa dạng chủ yếu do tác động tổng hợp của nội lực và các quá trình ngoại lực.
- b) Thành phần loài sinh vật chiếm ưu thế là xích đạo và cận nhiệt, vùng ven biển và cửa sông phát triển rừng ngập mặn và rừng tràm.
- c) Nội dung trên thể hiện đặc điểm tự nhiên của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.
- d) Khí hậu và cảnh quan thiên nhiên của miền có sự phân hóa theo quy luật phi địa đới.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Một tàu đánh cá của ngư dân Việt Nam đang tiến hành khai thác hải sản cách đường biên giới quốc gia trên biển của nước ta về phía đông 28 hải lý (biết 1 hải lý = 1852m). Hỏi tàu đánh cá trên cách đường cơ sở nước ta bao nhiêu km? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của đơn vị km).

Câu 2. Năm 2024, tổng diện tích rừng của nước ta là 14,8 triệu ha. Trong đó, diện tích rừng trồng là 4,7 triệu ha. Hãy cho biết năm 2024, diện tích rừng trồng trong tổng diện tích rừng của nước ta là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của đơn vị %).

Câu 3. Năm 2023, sản lượng thủy sản nước ta là 9,3 triệu tấn. Trong đó tỉ trọng sản lượng khai thác chiếm 40,1%. Hãy cho biết sản lượng thủy sản nuôi trồng năm 2023 là bao nhiêu triệu tấn *(làm tròn đến kết quả đến hai chữ số thập phân của đơn vị triệu tấn)*.

Câu 4. Biết trên đỉnh núi Rào Cỏ cao 2235m đang có nhiệt độ là 18°C, vậy trong cùng thời điểm đó nhiệt độ ở độ cao 1000m (sườn khuất gió) sẽ là bao nhiêu °C? *(làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của đơn vị °C)*

Câu 5. Cho bảng số liệu:

Diện tích trồng ngô, sản lượng ngô nước ta năm 2020 và năm 2023

Năm	Diện tích (Nghìn ha)	Sản lượng (Nghìn tấn)
2020	942,5	4 558,2
2023	884,6	4 437,2

(Nguồn: <https://www.nso.gov.vn>)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năng suất ngô của nước ta năm 2023 so với năm 2020 tăng thêm bao nhiêu tạ/ha *(làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của đơn vị tạ/ha)*.

Câu 6. Năm 2023, tổng dân số nước ta là 100,3 triệu người, trong đó dân số nam là 50,0 triệu người. Hãy cho biết tỉ số giới tính của nước ta năm 2023 là bao nhiêu phần trăm? *(làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của đơn vị %)*.

---HẾT---

(Thí sinh không được sử dụng atlas trong quá trình làm bài, cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.)

ĐÁP ÁN

Câu hỏi	Mã đề thi							
	0901	0902	0903	0904	0905	0906	0907	0908
1	A	D	C	C	D	B	C	C
2	D	B	C	C	A	B	D	A
3	C	B	B	C	C	D	C	A
4	C	B	C	D	C	A	A	B
5	C	C	A	C	C	C	D	B
6	A	A	A	D	C	C	C	C
7	C	A	A	C	B	C	C	B
8	A	D	A	D	A	D	B	B
9	A	D	A	B	D	C	B	C
10	D	B	A	C	D	C	D	D
11	C	C	A	C	A	B	D	D
12	D	C	A	D	C	A	A	A
13	B	C	D	B	B	B	B	D
14	A	C	A	A	A	B	C	D
15	C	B	A	B	D	B	C	B
16	B	A	C	B	C	B	C	B
17	B	D	C	C	B	B	A	C
18	C	D	B	D	D	B	C	B
19	ĐDDS	ĐSSĐ	SĐSD	ĐSSĐ	ĐSDS	SĐĐĐ	ĐDDS	SĐĐĐ
20	ĐSDS	SĐĐS	ĐĐSD	ĐSDS	SSĐĐ	ĐĐSS	SĐĐS	SSĐĐ
21	SSĐĐ	ĐĐSD	ĐĐSS	SSĐĐ	SĐSD	SĐĐS	ĐĐSS	SĐĐS
22	SSĐĐ	SĐĐS	SĐĐS	ĐĐĐS	ĐĐĐS	SĐĐS	ĐSSĐ	ĐSSĐ
23	1,8	5,57	5,57	5,57	5,57	31,8	1,8	74
24	99,4	1,8	1,8	99,4	99,4	5,57	31,8	31,8
25	30,4	74	30,4	1,8	1,8	30,4	99,4	5,57
26	31,8	30,4	99,4	30,4	74	74	74	30,4
27	74	31,8	31,8	31,8	30,4	1,8	5,57	1,8
28	5,57	99,4	74	74	31,8	99,4	30,4	99,4